

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ LẦN ĐẦU CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 16 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38217713

Fax: :(84-8) 38217452

TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM- CÔNG TY
TNHH MTV**

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38294513

Fax: (84-8) 38290586

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39366426

Fax: (84-4) 39360262

Tp.Hồ Chí Minh, tháng năm 2014

**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
– CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số lượng cổ phần chào bán:	37.901.500 cổ phần, chiếm 31,12% vốn điều lệ.
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Giá khởi điểm:	11.300 đồng/cổ phần.
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CT TNHH Một thành viên.
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CT TNHH Một thành viên.
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	6
II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	8
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	9
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	9
2. Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam	9
3. Tổ chức tư vấn	9
IV. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	10
1. Tổ chức phát hành.....	10
2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:	10
3. Cổ phần chào bán theo hình thức đấu giá công khai	11
4. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua	11
5. Thời gian và địa điểm thực hiện	11
6. Các tổ chức liên quan đến đợt đấu giá	12
PHẦN II - TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	13
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	13
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp.....	13
2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập	13
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	14
4. Quá trình hình thành và phát triển	16
5. Cơ cấu tổ chức	20
6. Các công ty con và công ty liên kết	20
7. Tình hình lao động	21
8. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2013	22
9. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	25
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	28
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá.....	42

3.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo	43
4.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	44
PHẦN III - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....		49
I.	GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	49
II.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	54
III.	RỦI RO DỰ KIẾN.....	60
1.	Rủi ro về kinh tế.....	60
2.	Rủi ro về luật pháp.....	63
3.	Rủi ro cạnh tranh.....	63
4.	Rủi ro đặc thù.....	64
5.	Rủi ro của đợt chào bán	64
6.	Rủi ro khác.....	64
PHẦN IV - THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN		65
I.	PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	65
II.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	69
III.	MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN LƯU Ý	71
IV.	KẾT LUẬN.....	71

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	10
Bảng 2: Danh sách các công ty con tại thời điểm 01/01/2013	20
Bảng 3: Danh sách các công ty liên kết tại thời điểm 01/01/2013	21
Bảng 4: Tình hình lao động tại thời điểm 01/01/2013	21
Bảng 5: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của VOCARIMEX	23
Bảng 6: Tình hình TSCĐ tại 01/01/2013 của Tổng công ty.....	26
Bảng 7: Tổng hợp diện tích đất đai của VOCARIMEX.....	27
Bảng 8: Công suất các xưởng sản xuất của Nhà máy dầu Vocar.....	28
Bảng 9: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ qua các năm	29
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu qua các năm 2011 – 2013	30
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm 2011 – 2013	30
Bảng 12: Kết quả lợi nhuận qua các năm.....	31
Bảng 13: Nguyên liệu đầu vào	31
Bảng 14: Vật tư, bao bì.....	33
Bảng 15: Chi phí giai đoạn 2011 – 2013.....	34
Bảng 16: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	41
Bảng 17: Một chỉ tiêu tổng hợp giai đoạn 2011 – 2013	42
Bảng 18: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam.....	46
Bảng 19: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam.....	46
Bảng 20: Danh sách các công ty con sau cổ phần hóa (tại 31/12/2013)	53
Bảng 21: Danh sách các công ty liên kết sau cổ phần hóa (tại 31/12/2013)	53
Bảng 22: Dự kiến kết quả kinh doanh sau cổ phần hóa	57
Bảng 23: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2014 – 2016.....	58
Bảng 24: Số lượng cổ phần chào bán cho người lao động.....	66
Bảng 25: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa.....	69
Bảng 26: Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa	70

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.....	20
Sơ đồ 2: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng sơ chế	37
Sơ đồ 3: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng tinh luyện	38
Sơ đồ 4: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng thành phẩm.....	39
Sơ đồ 5: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP	51
Biểu đồ 3: Sản lượng dầu thực vật sản xuất và tiêu thụ các năm	29
Biểu đồ 2: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam 2005 - 2025.....	46
Biểu đồ 3: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam 2005 - 2025.....	47
Biểu đồ 4: Cơ cấu vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần bán ra bên ngoài	59
Biểu đồ 5: Tốc độ tăng CPI.....	61
Biểu đồ 6: Lãi suất huy động và cho vay.....	62

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 2239/QĐ-BCT ngày 09/05/2011 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam;
- Công văn số 8404/BCT-TCCB ngày 09/09/2011 của Bộ Công thương về việc thực hiện Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 2712/QĐ-BCT ngày 02/06/2011 của Bộ Công thương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam;
- Quyết định số 2775/QĐ-BCT ngày 07/06/2011 của Bộ Công thương về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam;
- Quyết định số 3415/QĐ-BCT ngày 19/06/2012 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ – Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa;
- Công văn số 7280/BTC-TCCB ngày 15/08/2013 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh lại giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam;
- Công văn số 11696/BTC-TCDN ngày 03/09/2013 của Bộ Tài Chính về việc điều chỉnh lại giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt

Nam;

- Công văn số 8423/VPCP – ĐMDN ngày 08/10/2013 của Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa;
- Quyết định số 1305/QĐ-BCT ngày 6/3/2013 về thay đổi trưởng ban chỉ đạo CPH Vocarimex;
- Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam;
- Công văn số 4100/BCT-TC ngày 15/05/2014 của Bộ Công thương về bán cổ phần lần đầu.
- Quyết định số 4350/QĐ-BCT ngày 16/05/2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam
- Căn cứ vào Quyết định số 5318/QĐ-BCT ngày 12 tháng 06 năm 2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt kết quả thoả thuận bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- CBCNV Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
- FAO Food and Agriculture Organization – Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc
- HACCP Hazard Analysis and Critical Control Point System – Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn, hay Hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm
- ISO International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
- MTV Một thành viên
- Tổng công ty Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
- TMCP Thương mại cổ phần
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ Tài sản cố định
- UBND Ủy ban Nhân dân
- VOCARIMEX Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
- VCBS Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- VVFC Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam
- WHO World Health Organization – Tổ chức Y tế Thế giới
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

Bà Hồ Thị Kim Thoa	Chức vụ: Thứ Trưởng Bộ Công Thương Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cục Tài chính DN, Ủy viên
Ông Vũ Đức Thành	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, Ủy viên
Ông Khiếu Hữu Bộ	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Ủy viên
Ông Bùi Trường Thắng	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nhẹ, Ủy viên

2. Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam

Ông Đỗ Ngọc Khải	Chức vụ: Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc Phó Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa
Ông Dương Anh Tuấn	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, Ủy viên
Ông Hồ Minh Sơn	Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổng công ty.

3. Tổ chức tư vấn**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Ông Trần Quốc Việt	Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM
---------------------------	--

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty cung cấp nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

IV. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**
- Tên tiếng Anh: Vietnam Vegetable Oils Industry Corporation
- Tên viết tắt: **VOCARIMEX**
- Trụ sở: 58 Nguyễn Bình Khiêm, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38294513
- Fax: (84-8) 38290586
- Website: www.vocarimex.com.vn

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Nhà nước	43.848.000	438.480.000.000	36,00
2	CBCNV	1.074.500	10.745.000.000	0,88
3	Nhà đầu tư chiến lược	38.976.000	389.760.000.000	32,00
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	37.901.500	379.015.000.000	31,12
	Tổng cộng	121.800.000	1.218.000.000.000	100,00

Nguồn: Phương án CPH VOCARIMEX

Ghi chú: Căn cứ theo Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó, cơ cấu vốn cổ phần sẽ điều chỉnh tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

3. Cổ phần chào bán theo hình thức đấu giá công khai

- Số lượng cổ phần chào bán: 37.901.500 cổ phần
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: 11.300 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán: Bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

4. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Số lượng đăng ký tối thiểu: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Số lượng đăng ký tối đa: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Bước giá: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Đặt cọc: 10% tổng giá trị số cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

5. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Thời gian đăng ký tại các đại lý đấu giá: theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Thời gian tổ chức đấu giá: theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM – 16 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM.

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.

6. Các tổ chức liên quan đến đợt đấu giá

- **Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HOSE)

- Địa chỉ: 16 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38217713 Fax: (84-8) 38217452
- Website: www.hsx.vn

- **Tổ chức tư vấn:**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 39366426 Fax: (84-4) 39360262
- Website: www.vCBS.com.vn

- **Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp:**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM (VVFC)

- Địa chỉ: 03 Thụy Khê, P.Thụy Khê, Q.Tây Hồ, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 08044186/08044139 Fax: (84-4) 37842271

- **Tổ chức kiểm toán:**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38205944/38205947 Fax: (84-8) 38205942

PHẦN II - TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MTV**
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Vegetable Oils Industry Corporation
- Tên viết tắt: **VOCARIMEX**
- Địa chỉ trụ sở: 58 Nguyễn Bình Khiêm, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38294513
- Fax: (84-8) 38290586
- Website: www.vocarimex.com.vn
- Email: vocar@hcm.vnn.vn

2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập

- Quyết định số 538/CNN-TCLĐ ngày 27/05/1995 về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ Phẩm Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/06/1995, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 06/07/2001.
- Quyết định số 175/2004/QĐ-BCN ngày 23/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ Phẩm Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ – công ty con.
- Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28/09/2009 của Bộ Công thương về việc chuyển Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ Phẩm Việt Nam thành Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.
- Quyết định số 3006/QĐ-BCT ngày 08/06/2010 của Bộ Công thương về việc chuyển Công ty mẹ – Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0300585984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/07/2010.
- Quyết định số 3569/QĐ-BCT ngày 05/07/2010 của Bộ Công thương về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Ngành nghề kinh doanh chính của VOCARIMEX là :

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hóa khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát.
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

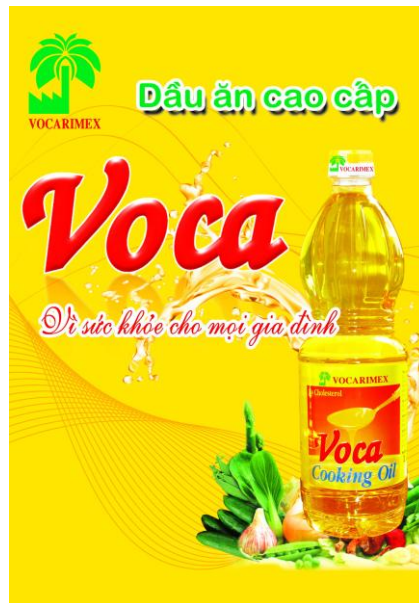
Các sản phẩm sản xuất và kinh doanh gồm 3 nhóm chính như sau:

- Dầu thực vật thô các loại từ nguyên liệu: cọ, đậu nành, đậu phộng, hạt mè, cơm dừa.
- Dầu thực vật bán thành phẩm, bán tinh luyện các loại.
- Dầu thực vật thành phẩm, tinh luyện các loại.

Các sản phẩm của VOCARIMEX sản xuất rất phong phú về chủng loại và mẫu mã:

- Dầu chiên xào: bao gồm Dầu Cooking oil, Dầu Olein tinh luyện. Đây là loại dầu thông dụng nhất trên thị trường hiện nay, chuyên dùng làm bánh, chiên xào... sử dụng trong chế biến thực phẩm và các bữa ăn.
- Dầu Salad oil: bao gồm các loại: Dầu nành Soby, Dầu mè Voca, là các loại dầu có giá trị cao dùng để chiên xào, làm bánh, ăn chay, trộn salad.
- Sản phẩm dầu lỏng được đóng gói bằng chai PET loại 0,25 lít, 0,4 lít, 1 lít, 2 lít, 5 lít và có thể đựng trong can 20 – 25 lít, thùng carton chứa túi PE, phuy 200 lít hoặc giao hàng xá bằng xe bồn.
- Dầu đặc (Shortening, Palm Stearin tinh luyện): là loại dầu thực vật đặc (sánh) được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến thực phẩm như: sản xuất mì ăn liền, bánh kẹo, chế biến

cà phê... Sản phẩm dầu đặc được đóng gói bằng thùng carton hoặc giao hàng xá bằng xe bồn.



4. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1975, tiếp quản 4 nhà máy sản xuất dầu thực vật ở miền Nam do quốc hữu hóa và chủ tư bản hiến tài sản. Tình hình sản xuất lúc bấy giờ với hệ thống thiết bị, máy móc cũ kỹ không đồng bộ và đang trong quá trình xây dựng dở dang. Tổng công suất tinh luyện của các nhà máy chỉ đạt khoảng 18.000 tấn/năm.

Ngày 12/08/1976, Công ty Dầu thực vật miền Nam được thành lập, Công ty hoạt động theo cơ chế quản lý Nhà nước tập trung bao cấp, gồm có 5 nhà máy quốc doanh trực thuộc: Nhà máy Dầu Nakydaco (sau đổi tên là Nhà máy Dầu Tân Bình, nay là Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình), Nhà máy Dầu Tuanco (sau đổi tên là Nhà máy Dầu Tường An, nay là Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An), Nhà máy Hộp thiếc Standard (sau đổi tên là Nhà máy Hộp thiếc bao bì Cầu Tre, Xí nghiệp Cơ khí bao bì Cầu Tre, Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre), Nhà máy Dầu Navioil (sau đổi tên là Nhà máy Dầu Nhà Bè, nay là Công ty Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè), Nhà máy Dầu Vinadaco (sau đổi tên là Nhà máy Dầu Thủ Đức, nay là Công ty cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức).

Thời kỳ các nhà máy sản xuất dựa vào nguồn nguyên liệu do Nhà nước cung cấp để thực hiện kế hoạch Nhà nước giao. Hoạt động của các nhà máy gặp nhiều khó khăn do một số thiết bị máy móc đã cũ lại không đồng bộ và nguồn nguyên liệu được cung cấp không đảm bảo về số lượng, chất lượng nên sản lượng sản xuất hàng năm thấp không đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

Từ ngày 18/06/1981, do yêu cầu đổi mới, quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Công nghiệp Thực phẩm có Quyết định số 642/CNTP-TCQL thay đổi tổ chức ngành dầu thực vật thành Xí nghiệp Liên hợp Dầu thực vật phía Nam. Ngoài 5 nhà máy quốc doanh đang hoạt động, Xí nghiệp còn tiếp nhận thêm Trung tâm Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu từ Viện Khoa học Việt Nam.

Từ tháng 09/1983, theo Nghị định số 110/HĐBT ngày 02/09/1983 của Hội đồng Bộ trưởng đổi tên Xí nghiệp Liên hợp Dầu thực vật phía Nam thành lập thêm Xí nghiệp Vật tư Nguyên liệu và Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu (tiền thân là Trung tâm nghiên cứu Dầu và Cây có dầu).

Trong thời kỳ này, Công ty khôi phục lại sản xuất tại Nhà máy Dầu Tường An, Nhà máy Dầu Nhà Bè, Nhà máy Dầu Thủ Đức. Để thích nghi với cơ chế quản lý mới, Công ty đã mạnh dạn xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, tập trung tháo gỡ những vướng mắc, ràng buộc trong sản xuất theo hướng khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu qua mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước để cân đối nguồn nguyên liệu, vật tư cho sản xuất và đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu.

Ngày 23/03/1986, Xí nghiệp Liên hợp Dầu thực vật phía Nam được đổi tên thành Liên hiệp Các xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (theo Nghị định số 28/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng). Ngoài 5 nhà máy quốc doanh và Xí nghiệp Vật tư nguyên liệu, Liên hiệp Các xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam còn tiếp nhận thêm 1 nhà máy và thành lập mới 3 đơn vị: Nhà máy Dầu Hà Bắc (tỉnh Hà Bắc), Chi nhánh Liên hiệp tại Hà Nội, Công ty Xuất nhập khẩu Dầu thực vật (Vegoilimex) và Xí nghiệp Hương liệu Mỹ phẩm.

Năm 1989, Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu tách khỏi Liên hiệp và thành lập Liên hiệp Khoa học sản xuất Tinh dầu Hương liệu và Mỹ phẩm (LIPACO). Đến giai đoạn 1990 – 1991, Liên hiệp Các xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam tiếp nhận thêm 3 đơn vị dầu thực vật địa phương gồm: Xí nghiệp Dầu thực vật Đồng Tháp, Xí nghiệp Dầu thực vật Bình Định và Công ty Liên hiệp Dầu thực vật Đồng Nai.

Ngày 06/06/1992, VOCARIMEX chính thức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Liên hiệp Khoa học sản xuất Tinh dầu Hương liệu và Mỹ phẩm vào Liên hiệp Các xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (theo Quyết định số 452/CNN-TCLĐ). Công ty được thành lập trong giai đoạn nền kinh tế đất nước đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. VOCARIMEX hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước với nguyên tắc hạch toán tập trung có phân cấp. Công ty có 4 đơn vị trực thuộc là: Nhà máy Dầu Tân Bình, Nhà máy Dầu Tường An, Nhà máy Dầu Thủ Đức và Chi nhánh Công ty tại Hà Nội. Đồng thời, Công ty chấm dứt hoạt động các đơn vị: Công ty Liên hiệp Dầu thực vật Đồng Nai và Xí nghiệp Hương liệu Mỹ phẩm.

Ngày 27/05/1995, Bộ Công nghiệp nhẹ ban hành Quyết định số 538/CNN-TCLĐ thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam.

Từ năm 1992 – 1997, VOCARIMEX góp vốn liên doanh với 3 đơn vị nước ngoài, gồm: liên doanh với Golden Hope Overseas Sendirian Berhad thuộc Tập đoàn Golden Hope Plantations Berhad – Malaysia (nay thuộc Tập đoàn Sime Darby) thành lập Công ty Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè trên cơ sở Nhà máy Dầu Nhà Bè; liên doanh với Công ty Siteki Investments Pte Ltd thuộc Tập đoàn Kuok – Singapore (nay thuộc Tập đoàn Wilmar International Limited) thành lập Công ty Dầu thực vật Cái Lân (nay là Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân); liên doanh với LG Chemical Ltd (nay là LG Household & Health Care Ltd) thuộc Tập đoàn LG – Hàn Quốc thành lập Công ty Liên doanh Mỹ phẩm LG VINA (nay là Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina).

Tháng 09/2002, VOCARIMEX góp vốn thành lập Công ty cổ phần bao bì Dầu thực vật tại Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp (ở P. Hiệp Thành, Q.12, Tp.HCM) chuyên sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm, mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì, dịch vụ thương mại, in bao bì, mua bán thực phẩm.

Ngày 01/01/2004, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Bộ Công nghiệp về việc sắp xếp lại Doanh nghiệp Nhà nước, VOCARIMEX chuyển đổi Nhà máy Dầu Thủ Đức thành Công ty cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức. Đến ngày 01/10/2004, chuyển đổi tiếp Nhà máy Dầu Tường An thành Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An và ngày 01/01/2005 chuyển đổi Nhà máy Dầu Tân Bình thành Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình. Với việc sắp xếp này, VOCARIMEX chính thức được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty mẹ – công ty con.

Tháng 07/2007, Công ty mẹ VOCARIMEX hoàn tất xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy Dầu thực vật Vocar, lần đầu tiên VOCARIMEX bắt đầu sản xuất và cung cấp thị trường nội địa và xuất khẩu các dòng sản phẩm dầu thực vật với nhiều dạng bao bì khác nhau như: Dầu mè

Voca, Ben3, Soby, Voca Cooking, SunGold, Vina, Global. Năm 2008 – 2009, các sản phẩm và thương hiệu dầu Voca được người tiêu dùng tin nhiệm.

Tháng 11/2007, VOCARIMEX góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trích ly Dầu thực vật (VOE JSC) chuyên sản xuất mua bán dầu thực vật, khô dầu, glycerine, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, mì ăn liền, bánh kẹo...

Tháng 03/2008, VOCARIMEX góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thương mại Dầu thực vật (VOT JSC) chuyên sản xuất, mua bán dầu thực vật, hạt và quả có dầu, sản phẩm từ hạt và quả có dầu, sản xuất mua bán bao bì giấy, bao bì nhựa...

Theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28/09/2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương chuyển Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam thành Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.

Ngày 08/06/2010, theo Quyết định số 3006/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương chuyển Công ty mẹ – Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV.

Trải qua nhiều năm hoạt động, VOCARIMEX đã được Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ Công thương khen tặng các danh hiệu thi đua cao quý.

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1997.
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2002.
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2008.
- Cờ thi đua của Chính phủ các năm 1999, 2000, 2003, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011 và 2012.

Một số hình ảnh thành tích tiêu biểu mà VOCARIMEX đã đạt được:



**Huân chương Lao động
hạng Nhất năm 2008**



**Huân chương Lao động
hạng Nhì năm 2002**



**Huân chương Lao động
hạng Ba năm 1997**

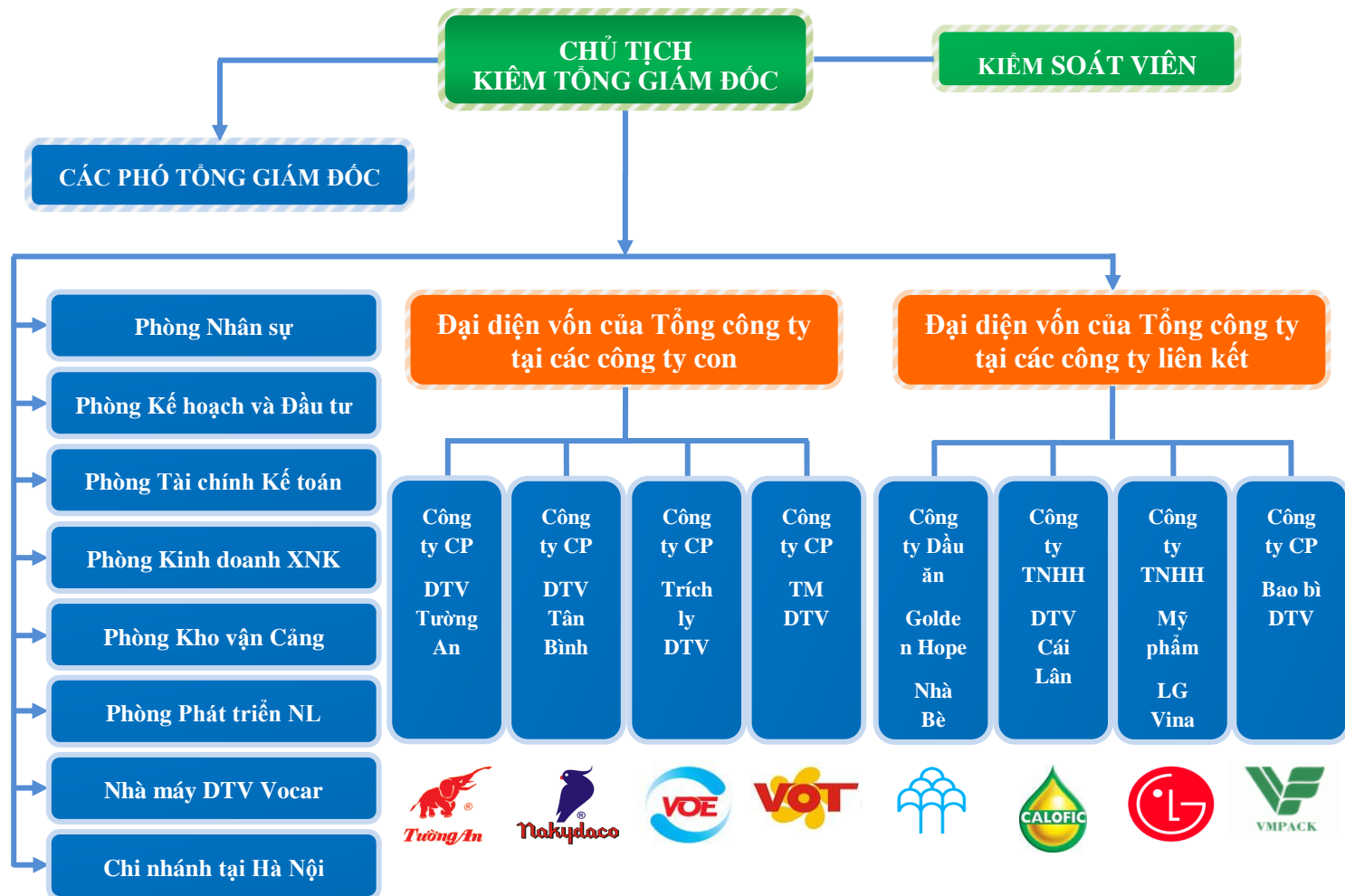
Cờ thi đua của Chính phủ các năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011 và 2012



5. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ tổ chức hiện tại của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV như sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam



6. Các công ty con và công ty liên kết

Danh sách các công ty con của VOCARIMEX tại thời điểm 01/01/2013 như sau:

Bảng 2: Danh sách các công ty con tại thời điểm 01/01/2013

Stt	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)
1	CTCP Dầu thực vật Tường An	189.802.000.000	51,00	9.679.900
2	CTCP Dầu thực vật Tân Bình	43.100.000.000	51,00	2.198.000

Stt	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)
3	CTCP Trích ly Dầu thực vật	71.600.000.000	99,72	7.139.952
4	CTCP Thương mại Dầu thực vật	15.500.000.000	98,71	1.530.005

Nguồn: VOCARIMEX

Danh sách các công ty liên kết của VOCARIMEX tại thời điểm 01/01/2013 như sau:

Bảng 3: Danh sách các công ty liên kết tại thời điểm 01/01/2013

Stt	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Giá trị vốn góp (đồng)
1	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	694.975.702.903	32,00	351.522.050.220
2	Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	69.267.776.198	49,00	47.192.438.524
3	Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	131.250.000.000	40,00	50.515.108.000
4	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	80.000.000.000	44,16	24.724.000.000

Nguồn: VOCARIMEX

7. Tình hình lao động

Tổng số lao động của VOCARIMEX tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là 255 người, trong đó:

Bảng 4: Tình hình lao động tại thời điểm 01/01/2013

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính	255	100
1	Nam	182	71,4
2	Nữ	73	28,6
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	255	100
1	Lao động quản lý do Nhà nước bổ nhiệm	5	1,96
2	Lao động ký hợp đồng lao động	250	98,04

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	214	85,6
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	34	13,6
2.3	Hợp đồng lao động thời vụ	2	0,8
III	Phân loại theo trình độ	255	100
1	Trình độ đại học và trên đại học	101	39,6
2	Trình độ cao đẳng	9	3,5
3	Trình độ trung cấp	23	9,1
4	Trình độ khác	122	47,8

Nguồn: VOCARIMEX

Số liệu trên cho thấy VOCARIMEX đang có nguồn nhân lực có chất lượng tương đối cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 39,6%. Điểm mạnh của nguồn nhân lực VOCARIMEX như sau:

- Được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức tốt nhất về sản xuất kinh doanh dầu thực vật.
- Đội ngũ lao động hiện tại có cơ cấu tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận), về kinh nghiệm (giữa những người làm việc lâu năm và ít năm).
- Hầu hết CBCNV đều gắn bó, tâm huyết và tự hào với truyền thống của ngành và của Tổng công ty, có ý thức chấp hành tốt.

8. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2013

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện.
- Biên bản điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên tại thời điểm 0h ngày 01/01/2013 lập ngày 08/12/2013.
- Quyết định số 9822/QĐ-BCT ngày 23/12/2013 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh giá trị Công ty mẹ – Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam thuộc Bộ Công thương

để cổ phần hóa.

Tại thời điểm 0h ngày 01/01/2013, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- **Giá trị thực tế của doanh nghiệp : 2.410.844.259.645 đồng.**
- **Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : 1.218.064.570.853 đồng.**

Bảng 5: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của VOCARIMEX

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	2.185.291.879.335	2.410.844.259.645	225.552.380.310
I. Tài sản dài hạn	1.123.366.263.479	1.348.910.134.864	225.543.871.385
1. Tài sản cố định	284.326.191.507	284.326.191.507	0
a. Tài sản cố định hữu hình	283.293.717.507	283.293.717.507	0
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất)	1.032.474.000	1.032.474.000	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	835.004.105.744	1.060.547.977.129	225.543.871.385
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	303.586.551	303.586.551	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	3.597.379.677	3.597.379.677	0
7. Các khoản phải thu dài hạn	135.000.000	135.000.000	0
8. Tài sản dài hạn khác	0	0	0
II. Tài sản ngắn hạn	1.042.967.895.339	1.042.976.404.265	8.508.926
1. Tiền	103.297.990.745	103.306.499.671	8.508.926
a. Tiền mặt tồn quỹ	486.529.140	486.529.140	0

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

b. Tiền gửi ngân hàng	102.811.461.605	102.819.970.531	8.508.926
c. Tiền đang chuyển	0	0	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	596.790.098.651	596.790.098.651	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	268.379.544.891	268.379.544.891	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	74.500.261.052	74.500.261.052	0
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	17.118.584.425	17.118.584.425	0
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	1.839.136.092	1.839.136.092	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	0	0
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0

D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	699.994	699.994	
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	2.185.292.579.329	2.410.844.959.639	225.552.380.310
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	2.185.291.879.335	2.410.844.259.645	225.552.380.310
E1. Nợ thực tế phải trả	1.192.779.688.792	1.192.779.688.792	0
<i>Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}	992.512.190.543	1.218.064.570.853	225.552.380.310

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của VOCARIMEX tại thời điểm 0h ngày 01/01/2013.

Ghi chú: Căn cứ theo Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ngày 31/03/2014, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng.

9. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

9.1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình TSCĐ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán và đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/01/2013) như sau:

Bảng 6: Tình hình TSCĐ tại 01/01/2013 của Tổng công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)
A	TSCĐ đang dùng	400.664.240.438	283.293.717.507	400.664.240.438	283.293.717.507	0	0
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	186.528.180.575	135.601.635.124	186.528.180.575	135.601.635.124	0	0
2	Máy móc, thiết bị	205.949.325.165	144.744.722.642	205.949.325.165	144.744.722.642	0	0
3	Phương tiện vận tải	4.402.652.248	1.693.137.020	4.402.652.248	1.693.137.020	0	0
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.784.082.450	1.254.222.721	3.784.082.450	1.254.222.721	0	0
5	Khác	-	-	-	-	-	-
B	TSCĐ không cần dùng	-	-	-	-	-	-
C	TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
D	TSCĐ hình thành từ Quỹ KT, Quỹ PL	5.000.000	699.994	5.000.000	699.994	-	-
	Tổng cộng	400.669.240.438	117.374.822.937	400.669.240.438	117.374.822.937	0	0

Nguồn: Bảng tổng hợp tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2013 của Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VOCARIMEX

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

9.2. Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng

- Hiện trạng sử dụng đất: Tổng diện tích đất đai VOCARIMEX đang quản lý là 123.876,48 m², cụ thể như sau:

Bảng 7: Tổng hợp diện tích đất đai của VOCARIMEX

Stt	Số GCNQSDĐ/Hợp đồng	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Đất thuê/sở hữu	Hiện trạng sử dụng
1	AB 082823	08 Cát Linh, Q.Đống Đa, Hà Nội	334,90	1.540,77	Lâu dài	Văn phòng chi nhánh Tổng công ty và cho thuê
2	248/HĐTN-KD	58 Nguyễn Bình Khiêm, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM	1.268,88	2.450	Thuê	Trụ sở Tổng công ty, văn phòng các công ty con
3	5924/HĐ-TNMT-QLSDĐ và BK 688696	21-23 Nguyễn Văn Cúa, P.13, Q.8, Tp.HCM	519,6	628	Thuê 50 năm đến 04/07/2012	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm
4	00397/QSDĐ/3644/UB	368 Gò Ô Môi, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM	121.757,7	36.727	Thuê đến 01/01/2046	Văn phòng, kho bãi, xưởng sản xuất dầu thực vật, bồn chứa và cầu cảng
Tổng cộng			123.876,48	41.345,77		

Nguồn: VOCARIMEX

- Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
 - Mục đích sử dụng: giữ nguyên mục đích sử dụng như hiện nay.
 - Hình thức sử dụng đất: giữ nguyên hình thức sử dụng đất như hiện nay.

- Đánh giá về tình hình sử dụng đất
 - Trong các năm qua, VOCARIMEX đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của luật đất đai năm 2003 cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biến động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định.
 - Chính sách sử dụng đất của VOCARIMEX trong những năm tới là sử dụng đất đúng mục đích, phát huy những lợi thế của các lô đất để tối đa hóa lợi nhuận. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ giai đoạn 2011 - 2013

Công suất sản xuất các xưởng sản xuất và dây chuyền của Nhà máy dầu thực vật Vocar như sau:

Bảng 8: Công suất các xưởng sản xuất của Nhà máy dầu Vocar

Stt	Xưởng sản xuất, dây chuyền	Công suất
1	Xưởng sơ chế	30 tấn/ngày
2	Xưởng tinh luyện hóa học	100 tấn/ngày
3	Xưởng tinh luyện vật lý	100 tấn/ngày
4	Dây chuyền tách phân đoạn dầu cọ	300 tấn/ngày
5	Dây chuyền chế biến và đóng gói Shortening	3 tấn/giờ
6	Xưởng thành phẩm	Chiết chai thủ công: 1.750 chai 1 lít/giờ Chiết chai tự động: 3.000 chai 1 lít/giờ

Nguồn: VOCARIMEX

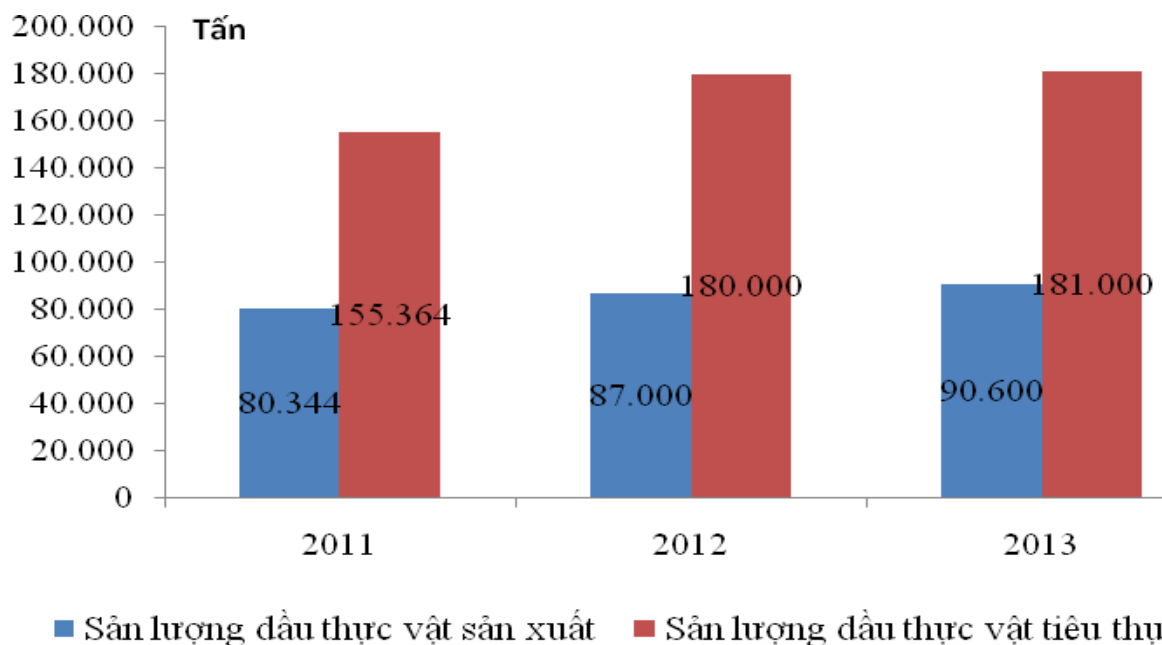
Sản lượng dầu thực vật do VOCARIMEX sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2011 – 2013 như sau:

Bảng 9: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ qua các năm
Đơn vị tính: tấn

Stt	Sản phẩm	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
I	Sản lượng dầu thực vật sản xuất	80.344	87.000	90.600
II	Sản lượng dầu thực vật tiêu thụ	155.364	180.000	181.000
1	Xuất khẩu	5.239	7.000	9.000
2	Tiêu thụ nội địa	150.125	173.000	172.000

Nguồn: VOCARIMEX

Sản lượng tiêu thụ chính của VOCARIMEX là tại thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu chiếm một phần rất nhỏ trong tổng sản lượng dầu thực vật sản xuất tiêu thụ của Tổng công ty. Một số thị trường xuất khẩu chính của Tổng công ty như: Nhật, Úc, châu Phi, khu vực Đông Nam Á...

Biểu đồ 1: Sản lượng dầu thực vật sản xuất và tiêu thụ các năm


1.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2011 - 2013

a. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo từng nhóm sản phẩm

Đóng góp chủ yếu vào doanh thu chính của VOCARIMEX là doanh thu từ nhóm dầu xá, chiếm trên 94% ở giai đoạn 2011 – 2013. Cơ cấu doanh thu và tỷ trọng của từng nhóm sản phẩm chính của Tổng công ty trong giai đoạn 2011 – 2013 như sau:

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu qua các năm 2011 – 2013
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nhóm sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm dầu xá	4.290.460	97,1	3.491.946	94,6	3.951.069	94,2
2	Nhóm dầu chai	102.288	2,3	155.250	4,2	125.383	3,0
3	Nhóm sản phẩm dịch vụ	9.151	0,2	11.447	0,3	8.854	0,2
4	Nhóm sản phẩm khác	17.462	0,4	33.551	0,9	107.355	2,6
	Tổng cộng	4.419.361	100	3.692.194	100	4.192.661	100

Nguồn: VOCARIMEX
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm 2011 – 2013
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nhóm sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm dầu xá	140.966	89,0%	49.640	72,5%	147.339	91,2%
2	Nhóm dầu chai	3.564	2,3%	5.335	7,9%	2.324	1,4%
3	Nhóm sản phẩm dịch vụ	9.151	5,8%	11.446	16,7%	11.101	6,9%
4	Nhóm sản phẩm khác	4.607	2,9%	1.971	2,9%	834	0,5%
	Tổng cộng	158.288	100%	68.392	100%	161.598	100%

Nguồn: VOCARIMEX

Trong cơ cấu doanh thu từng nhóm sản phẩm, nhóm dầu xá chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu, bình quân đạt trên 95% mỗi năm giai đoạn 2011 – 2013. Đây là dòng sản phẩm chủ đạo của Tổng công ty với tổng giá trị doanh thu bình quân đạt trên 4.000 tỷ đồng mỗi năm trong 3 năm qua.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp, nhóm dầu xá cũng đóng góp tỷ trọng lớn nhất so với các nhóm sản phẩm khác. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu của nhóm này cũng chỉ đạt bình quân từ 3,2 – 3,5%, nguyên nhân do hiện nay nguồn nguyên liệu chính chủ yếu là nhập khẩu nên giá vốn hàng bán của nhóm sản phẩm này còn khá cao.

Trong năm 2013 tổng doanh thu các nhóm sản phẩm đã tăng trưởng gần 14% so với năm 2012. Giai đoạn sau cổ phần hóa, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân ước tính đạt 7 – 8%/năm.

b. Lợi nhuận thực hiện trong giai đoạn 2011 – 2013
Bảng 12: Kết quả lợi nhuận qua các năm
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu thuần (DTT)	4.419.361	3.692.195	4.192.661
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.663	5.982	46.140
3	Lợi nhuận sau thuế	26.702	18.323	48.469
4	Tỷ suất Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	0,44%	0,16%	1,10%
5	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	0,60%	0,50%	1,16%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam năm 2011, 2012, 2013

1.3. Nguyên vật liệu
a. Nguồn nguyên liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp

Hiện nay, do các vùng nguyên liệu dành cho sản xuất dầu thực vật trong nước chưa phát triển, không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất ngày càng tăng nên VOCARIMEX phải sử dụng chủ yếu nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Hiện tại, VOCARIMEX đã ký kết và đang nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ các đối tác truyền thống và ổn định như sau:

Bảng 13: Nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu	Nhà cung cấp
Dầu thực vật các loại (tấn)	Bunge/Denali/Wilmar và nội địa
Hạt có dầu	Baid Agro/K.E.E và nội địa

Nguồn: VOCARIMEX

Tính đến nay, VOCARIMEX đã hoạt động trong lĩnh vực sản xuất dầu thực vật trên 35 năm, Tổng công ty luôn có những đối tác và bạn hàng cung cấp ổn định và tin cậy các mặt hàng, nguyên liệu đầu vào cho Tổng công ty. Do vậy, VOCARIMEX luôn chủ động được nguồn hàng hóa và nguyên vật liệu đầu vào đồng thời phù hợp với yêu cầu mục đích kinh doanh của Tổng công ty.

b. Hoạt động phát triển vùng nguyên liệu

Trong những năm qua, VOCARIMEX luôn quan tâm công tác phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu. Cây có dầu trong nước chủ yếu gồm: cây dừa, cây lạc, cây đậu tương và cây mè. Trong đó, sản phẩm lạc, đậu tương, dừa chủ yếu để phục vụ tiêu dùng trực tiếp như làm thực phẩm, nước giải khát và xuất khẩu dạng hạt, dạng trái (lạc nhân, trái dừa). Vì thế, việc phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu chỉ còn lại cây mè.

Năm 2006, VOCARIMEX đã thành lập Phòng Phát triển nguyên liệu và xây dựng chức năng nhiệm vụ của phòng.

Trong thời gian qua, VOCARIMEX đã phối hợp với Viện nghiên cứu dầu thực vật, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các địa phương để duy trì công tác phát triển cây mè V6 như sau:

- Triển khai trồng thí điểm cây mè V6 trên đất xám bạc màu của vùng Đồng Tháp Mười.
- Phối hợp với Huyện Đức Huệ (Tỉnh Long An) xây dựng mô hình trồng mè V6 với mục đích làm điểm trình diễn trồng mè có năng suất cao tổ chức hội nghị đầu bờ vụ Đông Xuân tại Huyện Đức Huệ để nông dân học tập.
- Phối hợp với các Tỉnh Hà Tây, Bắc Ninh triển khai tập huấn, trồng thí điểm cây mè V6.

Ngoài ra, VOCARIMEX đã triển khai tổ chức hàng chục buổi tập huấn kỹ thuật trồng mè V6 tại các Huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Tân Hồng thuộc Tỉnh Long An, tổ chức hội thảo đầu bờ, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đã góp phần thực hiện chính sách khuyến khích nông dân đầu tư tham gia sản xuất, mở rộng diện tích gieo trồng, giải quyết việc làm cho lao động nhân rỗi ở nông thôn và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích sản xuất nông nghiệp.

Kết quả công tác phát triển vùng nguyên liệu cây mè trong các năm qua như sau:

- Năm 2008: Huyện Mộc Hóa tham gia với diện tích gieo trồng mè V6 là 29 ha.
- Năm 2009: tiếp tục phối hợp với Huyện Mộc Hóa phát triển cây mè V6 với diện tích gieo trồng mè V6 là 50 ha, tăng 72,4% so với thực hiện năm 2008.
- Năm 2010: có 4 huyện tham gia (Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Tân Hồng thuộc Tỉnh Long An) với diện tích gieo trồng mè V6 là 501 ha, tăng gấp 10 lần so với thực hiện năm 2009.

Tuy nhiên, trong công tác phát triển cây mè V6, VOCARIMEX cũng đã gặp không ít khó khăn: việc phát triển cây mè, Tổng công ty đã được UBND các huyện, ngành nông nghiệp địa phương hưởng ứng nhiệt tình, vận động nông dân tham gia trồng nhưng do hiệu quả trồng cây mè đạt thấp, không cạnh tranh được với các loại cây trồng khác, chưa thu hút người nông dân đầu tư trồng mè. Mặt khác, giá mua hạt mè V6 trong nước cao hơn nhập khẩu nên rất khó khăn trong việc mở rộng diện tích trồng với quy mô lớn để làm nguyên liệu cho ngành dầu.

c. Vật tư, bao bì

Hiện nay, các đơn vị cung cấp các loại vật tư, bao bì phục vụ cho sản xuất ở Việt Nam rất đa dạng và giá cả cạnh tranh. Nguồn cung cấp vật tư, bao bì khá ổn định, được VOCARIMEX mua từ các nhà cung cấp sau:

Bảng 14: Vật tư, bao bì

Stt	Vật liệu	Nhà cung cấp
1	Bao bì chai, nắp nút	Công ty cổ phần CN-DV-TM Ngọc Nghĩa
		Công ty cổ phần Nhựa PET Việt Nam
		Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật
		Công ty TNHH Nhựa Tân Doanh Phát
		Công ty TNHH Nhựa Thành Danh
		Công ty TNHH Công Thương Nghiệp Minh Hưng
2	Bao bì thùng giấy	Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật
		Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu
3	Bao bì xá (can nhựa, thùng thiếc, thùng phuy)	DNTN Sản xuất can nhựa Hương Phát
		Công ty TNHH AK Vina
		Công ty TNHH Greif Việt Nam
		Công ty cổ phần Cơ khí Xăng dầu
		Công ty TNHH MTV Bao bì Thương mại Quang Huy

Nguồn: VOCARIMEX

1.4. Chi phí sản xuất

Tổng hợp chi phí và tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần của VOCARIMEX giai đoạn 2011 – 2013 như sau:

Bảng 15: Chi phí giai đoạn 2011 – 2013
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	% so với DTT	Giá trị	% so với DTT	Giá trị	% so với DTT
1	Giá vốn hàng bán	4.275.752	96,8	3.636.397	98,5	4.050.662	96,6
2	Chi phí tài chính	141.451	3,2	48.757	1,3	62.347	1,5
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>58.466</i>	<i>1,3</i>	<i>46.558</i>	<i>1,3</i>	<i>53.675</i>	<i>1,3</i>
3	Chi phí bán hàng	55.574	1,3	65.893	1,8	68.862	1,6
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.242	1,5	60.369	1,6	66.912	1,6
5	Chi phí khác	837	0,02	1.002	0,03	3.281	0,1
	Tổng cộng	4.593.322	104	3.812.418	103	4.252.064	101

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam năm 2011, 2012, 2013

Do đặc thù của lĩnh vực sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Do vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong lĩnh vực này phụ thuộc nhiều vào sự biến động của giá nguyên liệu đầu vào và tỷ giá USD/VND do hầu hết nguyên vật liệu của Tổng công ty nhập khẩu từ nước ngoài.

Tỷ trọng tổng chi phí/doanh thu thuần qua các năm từ 2011 – 2013 lần lượt là 104%, 103% và 101%. Trong đó, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh, bình quân khoảng 97,3%. Điều này cho thấy việc đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh trong giai đoạn sau cổ phần hóa đóng vai trò khá quan trọng. Ngoài ra, trong giai đoạn vừa qua bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu Tổng công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vốn vay dài hạn đầu tư máy móc thiết bị ban đầu nên khi lãi suất tín dụng biến động tăng đã làm gia tăng chi phí tài chính, tỷ trọng chi phí lãi vay/doanh thu thuần bình quân khoảng 1,3%/ năm. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần và chi phí bán hàng/doanh thu thuần chỉ dao động quanh mức 1,3 – 1,8% trong giai đoạn này.

1.5. Trình độ công nghệ máy móc, thiết bị sản xuất

- Nhóm thiết bị sản xuất chính: phân xưởng tinh luyện, tách phân đoạn và dây chuyền chiết chai tự động là các phân xưởng và thiết bị chính trong quá trình sản xuất và đóng gói dầu thực vật. Nhóm thiết bị này đã được VOCARIMEX đầu tư mới 100%, hiện đại, dây chuyền

đồng bộ, vận hành theo công nghệ tiên tiến nhất, điều khiển tự động bằng hệ thống PLC, có xuất xứ từ các nước phát triển thuộc khối EU như: Bỉ, Đức, Hà Lan v.v...

- Nhóm thiết bị phụ trợ: các thiết bị như: nồi hơi, máy nén khí là các thiết bị phụ trợ cho các phân xưởng chính nhưng lại là các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động về tiêu chuẩn môi trường. Do đó, để đạt được độ tin cậy, đảm bảo an toàn về lao động và giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường như: tiếng ồn, khí thải, nước thải VOCARIMEX cũng đã ưu tiên đầu tư nhóm thiết bị này hoàn toàn mới 100%, hiện đại, dây chuyền đồng bộ, vận hành theo công nghệ tiên tiến nhất, có xuất xứ từ các nước phát triển thuộc khối EU như: Bỉ, Đức, Hà Lan v.v...
- Nhóm thiết bị bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
 - Hệ thống xử lý khí thải: là công trình ứng dụng công nghệ mới, xử lý khí thải bằng phương pháp vật lý kết hợp phương pháp hóa học. Khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép theo TCVN 5939:2005 (loại B), hệ thống xử lý do đơn vị trong nước trực thuộc Bộ Công thương là Trung tâm Kiểm định Công nghiệp II thiết kế công nghệ và thi công.
 - Hệ thống xử lý nước thải: sử dụng phương pháp hóa sinh, công suất xử lý 350 m³/ngày đêm. Nước thải qua xử lý đạt QCVN 24:2009/BTNMT (Cột B, Kq=1,1; Kf=1,1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Nhà Bè. Hệ thống xử lý nước thải cũng do đơn vị trong nước tiến hành thiết kế, thi công và chuyển giao công nghệ.
 - Hệ thống phòng chống cháy nổ: hệ thống phòng chống cháy nổ của VOCARIMEX được thiết kế, lắp đặt theo đúng quy định phòng cháy nổ của Nhà nước, cụ thể như sau:
 - ✓ Hệ thống đường nội bộ đến được tất cả các vị trí trong các phân xưởng, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong phân xưởng.
 - ✓ Các thiết bị phòng cháy chữa cháy được bố trí tại nhiều vị trí thích hợp: bình CO₂ (5 kg, 30 kg), bình bột MF8 (8 kg, 30 kg)...
 - ✓ Bể chứa nước cứu hỏa thể tích 100 m³ luôn luôn đầy nước, đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc.
 - ✓ Thiết bị, máy móc được bố trí trật tự, gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có cháy, nổ xảy ra. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn.
 - ✓ Công tác phòng chống cháy nổ được thực hiện tốt đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng chống cháy nổ do Sở Cảnh sát PCCC Tp.HCM cấp.
 - Nhóm thiết bị trang bị trong nhà xưởng: toàn bộ phòng làm việc, nhà xưởng đều được thiết kế hợp lý, đảm bảo thông gió tự nhiên tốt nhất. Tất cả các khu vực sản xuất và văn

phòng đều được bố trí hệ thống thông gió, quạt hút và điều hòa nhiệt độ thích hợp. Nhà xưởng được vệ sinh thường xuyên, nền láng xi măng để giảm tối đa lượng bụi phát sinh.

1.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Dựa trên các nguyên liệu truyền thống như: dầu cọ, dầu nành, dầu mè, dầu cải, dầu hương dương v.v.. cùng với việc đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm hiện đại, nghiên cứu thị hiếu của người tiêu dùng, VOCARIMEX thường xuyên nghiên cứu và thực nghiệm để tìm ra các công thức chế biến mới nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm cho phù hợp với từng đối tượng sử dụng.

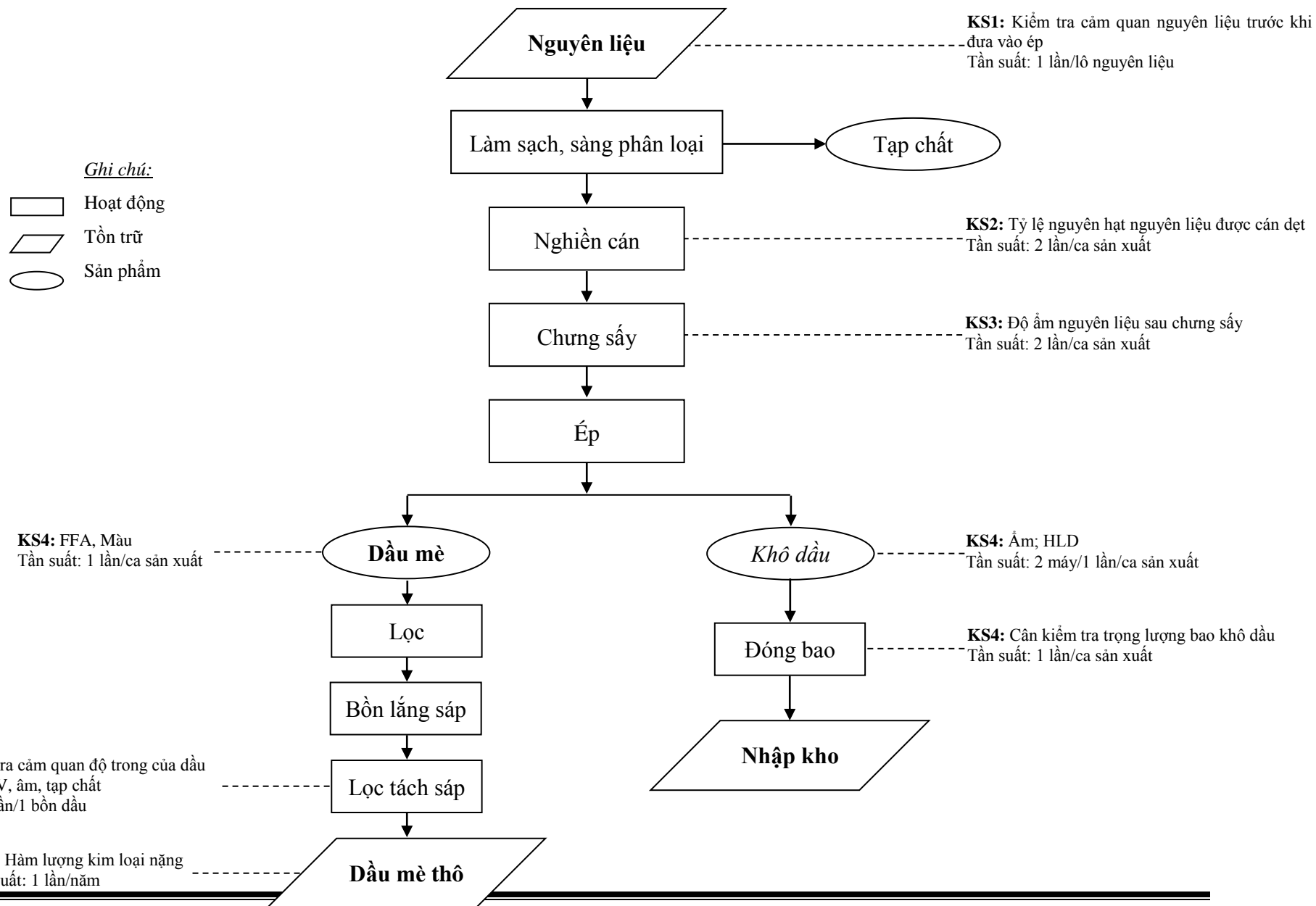
1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, VOCARIMEX luôn đặt lên hàng đầu vấn đề “*chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm*”. Để thực hiện nghiêm túc điều này, quy trình sản xuất và quy trình kiểm tra chất lượng dầu ăn tinh luyện của Tổng công ty luôn luôn được coi trọng từ khâu nhập nguyên liệu vào đến khi ra sản phẩm và giao cho khách hàng. Các quy trình quản lý chất lượng nêu trên được thực hiện thường xuyên và nghiêm ngặt tại Tổng công ty.

Trên đường hội nhập kinh tế thế giới trong thời gian qua, VOCARIMEX đã tích cực đổi mới công nghệ, ứng dụng những công nghệ mới nhất vào sản xuất nhằm ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Hiện nay, sản phẩm của Tổng công ty đã được xuất khẩu sang các nước: Nhật, châu Âu và được các thị trường này chấp nhận do đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe mà thị trường này đặt ra.

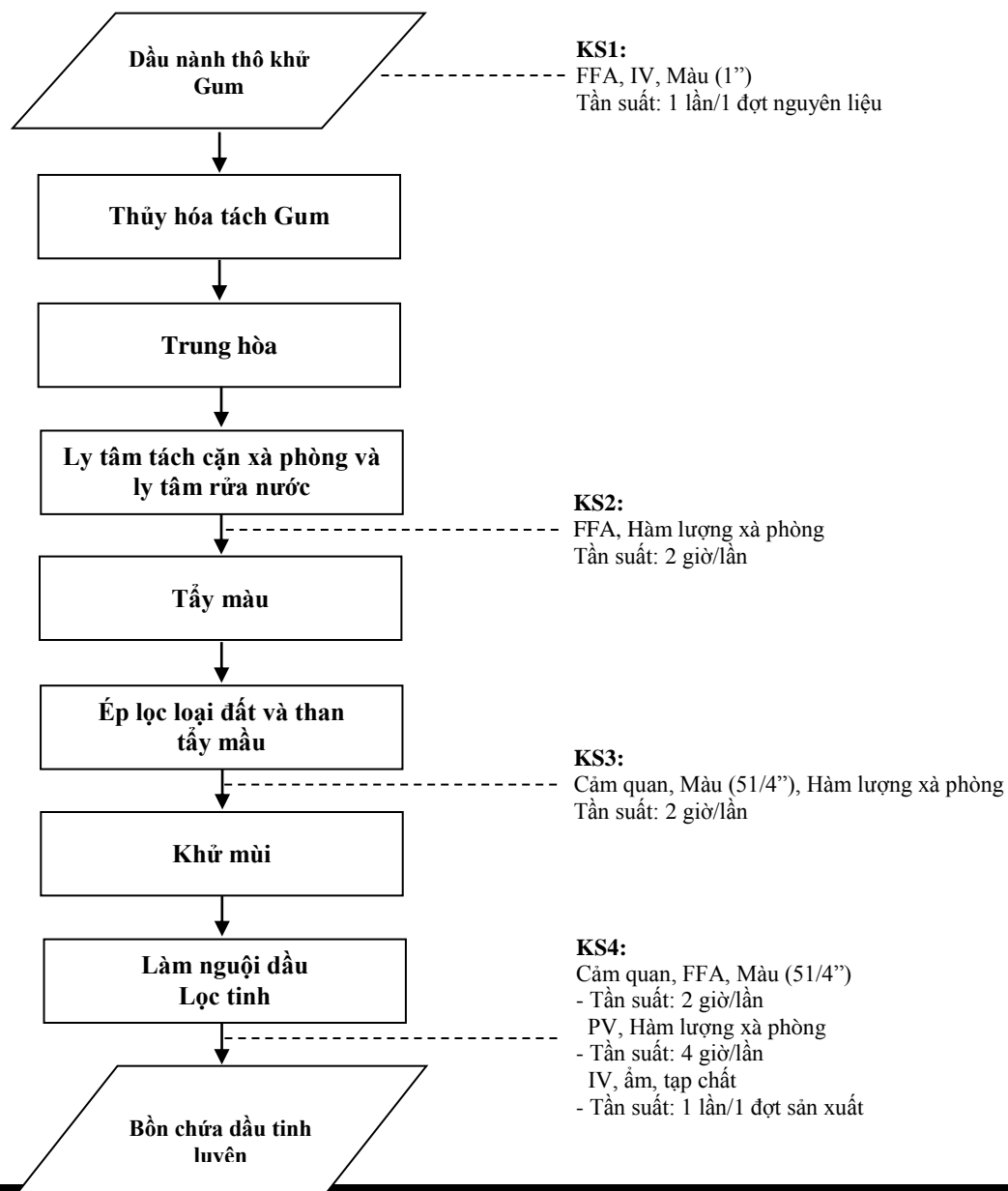
Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm:

Sơ đồ 2: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng sơ chế

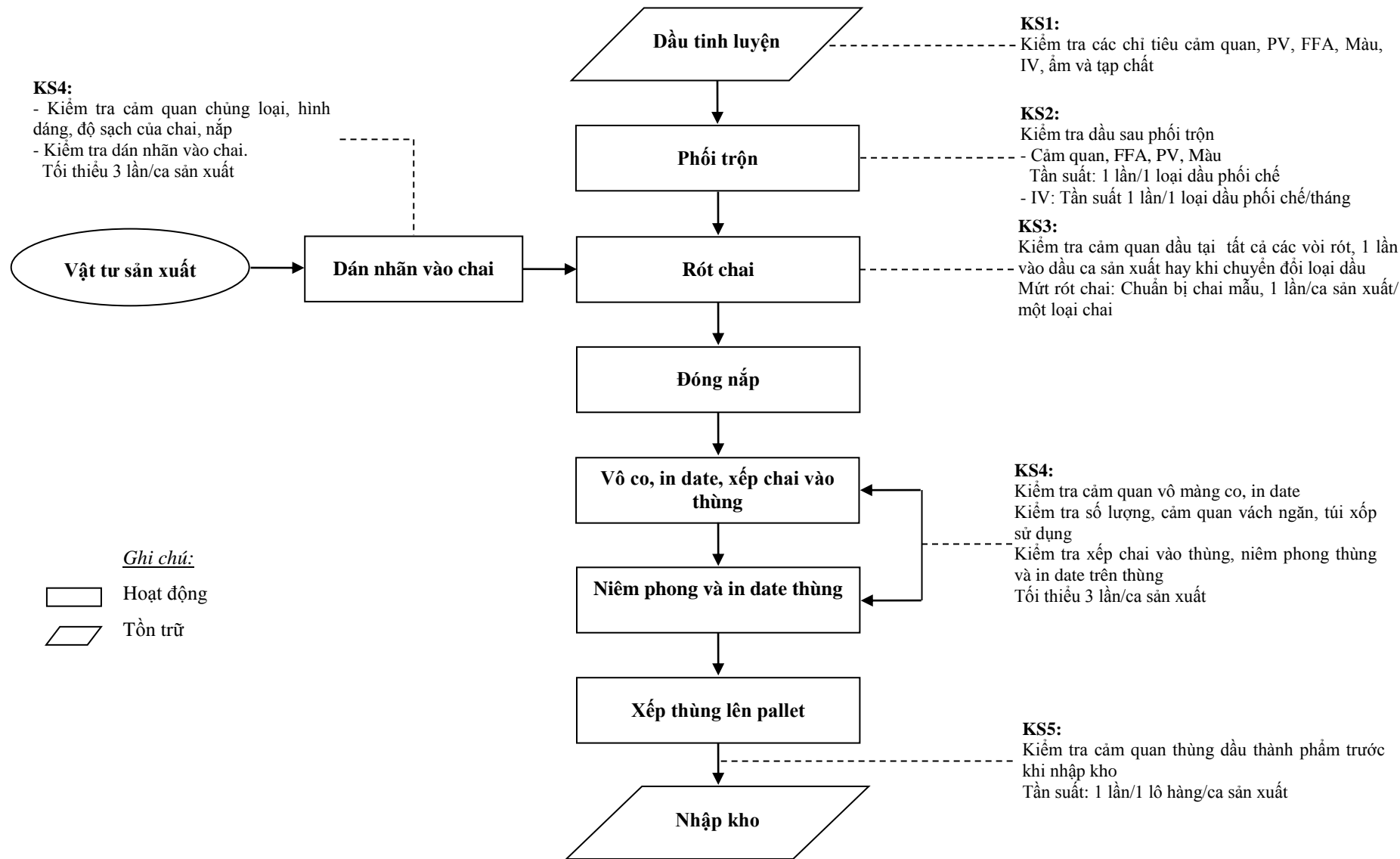


Sơ đồ 3: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng tinh luyện

Ghi chú:
 □ Hoạt động
 ▱ Tồn trữ



Sơ đồ 4: Quy trình kiểm soát chất lượng tại xưởng thành phẩm



1.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của VOCARIMEX trong những năm qua đã đạt được hiệu quả nhất định, cụ thể:

- Từ năm 2008, do nhãn hàng còn mới, thương hiệu VOCARIMEX tuy là Công ty mẹ nhưng do đưa dòng sản phẩm dầu thực vật ra quý 3/2006 cho nên có nhiều bất lợi như: thương hiệu còn mới, thị phần chưa có, nhà phân phối còn ít, hệ thống của hàng bán lẻ, siêu thị chưa thâm nhập được sâu rộng do đó việc bán hàng còn gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với chính sách phát triển bền vững, sản phẩm của Tổng công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường và được nhiều người tiêu dùng biết đến, sử dụng.
- Kết hợp với các công tác bán hàng, các hoạt động Marketing có chọn lọc đã đem lại nhiều hiệu quả cho sản phẩm mới của VOCARIMEX, cụ thể các hoạt động Marketing như sau:

Với chi phí thấp, hoạt động Marketing tập trung vào những vùng chính và những khu vực bán hàng chính như: chợ, các shop bán hàng; địa bàn Tp.HCM được coi là thị trường chính nên tập trung nhiều hoạt động Marketing; miền Trung tập trung vào: Đà Nẵng, Bình Định; miền Tây tập trung vào: Cần Thơ, Tiền Giang, Kiên Giang; miền Bắc tập trung vào: Hà Nội, Hưng Yên; miền Đông tập trung vào: Buôn Ma Thuột bằng các hoạt động cụ thể như:

- Làm các Pano với kích thước nhỏ tại các chợ đầu mối trung tâm các khu vực nêu trên – chi phí thấp – hiệu quả lâu dài.
- Thực hiện hình thức quảng cáo trên truyền hình TVC (TV Commercial) 3D để tiết kiệm chi phí, phát sóng có chọn lọc theo từng khu vực và theo địa giới hành chính và địa giới kinh tế.
- Quảng cáo trên các báo có chọn lọc và vào các thời điểm thích hợp để đạt hiệu quả cao nhất.
- Làm các quà tặng cụ thể, thiết thực khuyến mãi để tạo dấu ấn, sự nhận biết và gắn gũi với khách hàng.
- Kết hợp với các hoạt động trưng bày tại các chợ, các shop bán hàng, tổ chức khuyến mãi tại chợ, các siêu thị nhằm thúc đẩy việc bán hàng cho các đại lý.
- Tiến hành làm các bảng hiệu, quảng cáo trên xe tải cho các đại lý.
- Tổ chức các hoạt động từ thiện nhân các ngày: Thương binh liệt sĩ (27/7), Quốc tế phụ nữ (8/3), Quốc tế thiếu nhi (1/6)... Qua đây kết hợp làm công tác PR (Public Relations) nhằm nâng cao hình ảnh của VOCARIMEX và của sản phẩm.

Thông qua các hoạt động Marketing cùng với các chính sách bán hàng thích hợp, VOCARIMEX đã đạt được những kế hoạch đề ra:

- Khu vực Tp.HCM, khu vực miền Trung, miền Bắc, miền Tây, Cao Nguyên được ổn định và phát triển sản phẩm, khẳng định được thị phần và tăng trưởng. Hoạt động Marketing đã thực hiện tốt việc quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng và góp phần tăng sản lượng bán hàng.
- Cùng với chất lượng sản phẩm, việc quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng và các hoạt động bán hàng khác đã đạt được các giải thưởng có uy tín do người tiêu dùng và các tổ chức bình chọn cụ thể:
 - Hàng Việt Nam Chất lượng cao các năm: 2009, 2010 và 2011.
 - Top 100 giải thưởng Sao vàng Đất Việt các năm: 2009, 2010 và 2011.
 - Năm 2011, xếp thứ 39 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).
 - Top Ten ngành hàng thương hiệu Việt hội nhập WTO.

1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 16: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Số hợp đồng	Ngày	Trị giá	Thời gian thực hiện	Tên sản phẩm	Đối tác
Xuất khẩu					
BAJI-13-5006-0977	30/06/2013	(USD) 1.318.176	06/2013 - 12/2013	RBD Sesame Oil	Mitsui & Co., Ltd
0313SUMI	26/08/2013	1.907.328	04/2013 - 09/2014	Crude Sesame Oil	Sumitomo Corporation
Nhập khẩu					
DSS0113-09	27/12/2012	(USD) 2.448.000	01/2013	RBD Palm Olein	Denali Trading Pte Ltd
40143604	29/11/2012	2.092.000	01/2013	RBD Palm Olein	Denali Trading Pte Ltd
Mua hàng nội địa					
BVL.SC.2012.0566	20/12/2012	(VND) 24.686.000.000	01/2012	Crude Degummed Soyabean Oil	Bunge Việt Nam
BVL.SC.2012.0566	27/12/2012	24.934.000.000			
Dịch vụ bảo hiểm					
HCM/D09.NT.13.HD2	12/04/2013	(USD) 12.000.000	2013	Dầu thực vật các loại	Cty bảo hiểm Petrolimex
AD0006/13PA08000	01/04/2013	280.000.000			Cty Cp Bảo Minh- Bảo

08/BHHH/2013					Minh Sài Gòn TCTy Bảo hiểm Bảo Việt – Bảo Việt Sài Gòn
--------------	--	--	--	--	--

Nguồn: VOCARIMEX

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá

Bảng 17: Một chỉ tiêu tổng hợp giai đoạn 2011 – 2013

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng tài sản (triệu đồng)	2.106.176	2.410.845	2.631.387
2	Vốn nhà nước (triệu đồng)	654.293	961.602	1.218.000
3	Vay và nợ ngắn hạn (triệu đồng)	907.134	979.330	1.145.022
	<i>Trong đó: nợ quá hạn:</i>	-	-	-
4	Vay và nợ dài hạn (triệu đồng)	61.825	32.597	20.330
	<i>Trong đó: nợ quá hạn:</i>	-	-	-
5	Các khoản phải thu (triệu đồng)	577.863	596.925	690.154
	<i>Trong đó: phải thu khó đòi</i>	-	-	-
6	Nợ phải trả (triệu đồng)	1.126.259	1.192.780	1.364.853
	<i>Trong đó: nợ khó đòi</i>	-	-	-
7	Nộp ngân sách	464.567	374.386	425.000
8	Tổng số lao động (người)	271	253	268
9	Tổng quỹ lương	27.533	32.447	33.100
10	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.473.000	10.688.000	10.691.000
11	Doanh thu thuần (triệu đồng)	4.419.361	3.692.195	4.192.661
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	19.662	5.982	46.140
13	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	26.702	18.323	48.469
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước (%)	4,08	1.91	3,98

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Vocarimex, Báo cáo tài chính đã kiểm toán Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật 2013 và từ Vocarimex.

Số liệu năm 2011 và năm 2012 trích từ Phương án cổ phần hóa Vocarimex. Số liệu năm 2013 cập nhật theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 và số liệu khác được Vocarimex cung cấp.

Ghi chú: Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 thì số liệu đầu kỳ năm 2013 khác với số liệu cuối kỳ năm 2012 theo Phương án cổ phần hóa Vocarimex đã được phê duyệt. Nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ lưỡng về sự chênh lệch này tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 để có đánh giá chính xác hơn.

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo

Từ khi thành lập đến nay, mặc dù đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn do thường xuyên phải chuyển đổi mô hình và phương thức hoạt động sản xuất – kinh doanh cho phù hợp với nền kinh tế đất nước của từng thời kỳ, song VOCARIMEX vẫn luôn khẳng định được vị trí và vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp dầu thực vật. Trong quá trình hội nhập và phát triển, các yếu tố thuận lợi lẫn khó khăn luôn có sự tác động đan xen và bổ sung cho nhau, tạo nên động lực để VOCARIMEX đi tiếp những chặng đường phía trước.

3.1 Thuận lợi

- Giai đoạn 2012 - 2013, kinh tế trong và ngoài nước từng bước phục hồi đã góp phần cho việc sản xuất kinh doanh ngành dầu thực vật được thuận lợi và tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu dễ dàng hơn.
- Năm 2013, tỷ giá USD/VND được giữ ổn định giúp Tổng công ty giảm thiểu được lỗ do chênh lệch tỷ giá trong hoạt động thanh toán bằng đồng USD.
- Vốn lưu động phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là từ nguồn vốn vay ngân hàng. Mặt bằng lãi suất tín dụng điều chỉnh giảm từ đầu năm 2013 đến nay và đang tiếp tục xu hướng giảm sẽ giúp Tổng công ty giảm thiểu chi phí lãi vay.
- Dây chuyền thiết bị tách phân đoạn và tinh luyện công suất 300 tấn/ngày (90.000 tấn/năm) sau khi đi vào hoạt động đã nâng tổng năng lực chế biến dầu tinh luyện của VOCARIMEX lên 120.000 tấn/năm.
- Các công ty chế biến dầu thực vật nổi tiếng tại Việt Nam như: Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An, Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân, Công ty Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè, Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình là những đơn vị thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ – công ty con – công ty liên kết của VOCARIMEX nên đã hạn chế được tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các đơn vị với nhau.
- Mối quan hệ hợp tác lâu dài và bền vững giữa VOCARIMEX với các tập đoàn kinh doanh quốc tế về dầu thực vật đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xuất nhập khẩu Tổng công ty

hiệu quả.

- VOCARIMEX đã có cảng để chủ động nhập dầu nguyên liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.
- Có đội ngũ lãnh đạo và CBCNV có kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến, kinh doanh xuất – nhập khẩu dầu thực vật.
- VOCARIMEX luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Công thương trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng... Đồng thời, với sự đoàn kết, tạo sự đồng thuận cao trong ban lãnh đạo Tổng công ty cùng toàn thể CBCNV đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, triển khai nhiều biện pháp có hiệu quả nên sản xuất của Tổng công ty ngày càng phát triển.

3.2 Khó khăn

- Năm 2012 – 2013 mặc dù tình hình lạm phát đã được cải thiện, tuy nhiên tăng trưởng tín dụng thấp dẫn đến sức mua của xã hội giảm...
- Giá nguyên vật liệu các năm qua liên tục biến động và có xu hướng ngày càng tăng đã làm giá thành cao.
- Nhiều thương hiệu dầu ăn mới ra đời, tình trạng cạnh tranh gay gắt đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Các doanh nghiệp chế biến bánh kẹo, sữa, mì ăn liền trực tiếp nhập khẩu dầu tinh luyện đã ảnh hưởng thị phần tiêu thụ mặt hàng dầu công nghiệp.
- Thiên tai, bão lũ, thời tiết nắng nóng kéo dài... nên nhu cầu dầu ăn bị hạn chế.
- Vốn lưu động phục vụ công tác sản xuất kinh doanh chủ yếu là từ nguồn vốn vay ngân hàng.
- Do hiệu quả trồng cây có dầu đạt thấp, không cạnh tranh được với các loại cây trồng khác, chưa thu hút người nông dân đầu tư trồng cây có dầu. Mặt khác, sản lượng hạt có dầu trong nước rất ít và giá mua hạt có dầu trong nước luôn cao hơn giá nhập khẩu nên rất khó khăn trong việc mở rộng diện tích trồng cây có dầu với quy mô lớn để làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến dầu thực vật.

4. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

4.1. Vị thế

VOCARIMEX hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con – công ty liên kết đã tạo ra thế mạnh trong phát triển ngành và là xu hướng khách quan trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.

Với sự đồng ý của Chính phủ, từ năm 1988 đến nay, VOCARIMEX là thành viên chính thức của tổ chức Hiệp hội dừa châu Á – Thái Bình Dương (APCC). Tổng công ty luôn là đầu mối các công ty chế biến dừa của các tỉnh như: Bến Tre, Tiền Giang, tham dự Hội nghị các nhà sản xuất dừa của các nước trong Hiệp hội APCC.

Trong các năm qua, toàn tổ hợp của VOCARIMEX phát triển mạnh, giữ vững vị trí đầu đàn và vai trò chủ đạo trong ngành; là những nhà sản xuất chủ yếu cung cấp dầu thực vật cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Nếu xét quy mô doanh nghiệp của ngành thì VOCARIMEX, các công ty con và các công ty liên kết là các doanh nghiệp có quy mô lớn về số lao động, tài sản, thiết bị, công nghệ hiện đại.

Năng lực sản xuất của toàn tổ hợp chiếm trên 81% tổng công suất dầu tinh luyện của toàn ngành. Đa số các sản phẩm có thương hiệu và nổi tiếng đều thuộc các đơn vị thành viên của VOCARIMEX như: Dầu Neptune, Dầu Simply, Dầu Cái Lân (sản phẩm của Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân); Dầu Marvela, Dầu Ông Táo (sản phẩm của Công ty Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè); Dầu Vạn Thọ, Dầu Cooking Tường An, Dầu nành, Dầu mè, Dầu VIO (sản phẩm của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An); Dầu nành tinh luyện Nakydaco, Dầu hương mè, Dầu mè tinh luyện Sesa, Dầu mè thơm Lạc Vị (sản phẩm của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình); Dầu Cooking Voca, Dầu mè Voca, Dầu Soby, Dầu Bens3 (sản phẩm của công ty mẹ)...

Sản phẩm dầu tinh luyện của VOCARIMEX và các đơn vị thành viên trong thời gian qua đã khẳng định được vị trí của mình ở thị trường trong nước cũng như ở thị trường xuất khẩu. Toàn tổ hợp đã tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng công suất tại các nhà máy hiện có và đầu tư xây dựng các nhà máy mới với dây chuyền thiết bị hiện đại, đồng bộ. Sản phẩm của toàn tổ hợp sản xuất phong phú về chủng loại, mẫu mã đa dạng, chất lượng tốt và có thương hiệu đối với người tiêu dùng, đáp ứng trên 85% thị phần dầu thực vật trong nước và đồng thời cũng có uy tín về chất lượng ở thị trường xuất khẩu.

4.2. Triển vọng phát triển của ngành

Về sản lượng sản xuất, theo Bộ Công Thương, cả nước hiện có 35 doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm dầu thực vật. Theo Quy hoạch phát triển ngành dầu thực vật Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Chính phủ, đến năm 2020, sản lượng dầu tinh luyện sẽ là 1.587 nghìn tấn và sản lượng dầu thô sẽ là 370.000 tấn. Việt Nam cũng có kế hoạch phát triển các giống cây mới nhằm đáp ứng nhu cầu của ngành dầu thực vật trong nước. Theo đó sẽ mở rộng diện tích gieo trồng các loại cây như đậu tương, lạc, vừng, cùi dừa, hướng dương và cám gạo.

Hiện Bộ Công Thương và Bộ NN&PTNT đang được giao phát triển kế hoạch và chính sách tổng thể về sản xuất các loại cây hạt có dầu như đậu tương, lạc, vừng... Theo đó, người nông dân được khuyến khích sử dụng các giống mới, đặc biệt là các giống công nghệ sinh học, cho hoạt động sản xuất hàng loạt nhằm đáp ứng đủ nhu cầu trong nước.

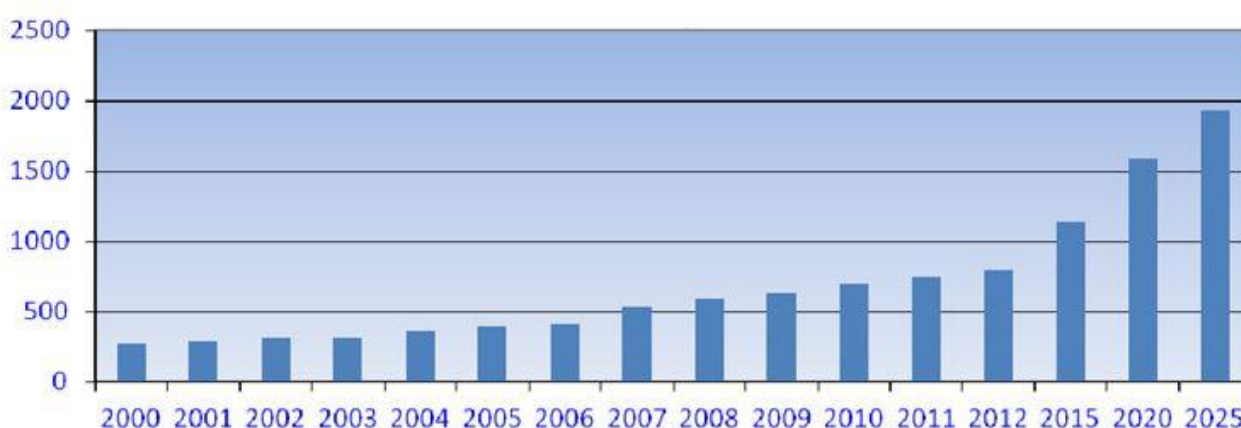
Bảng 18: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam

Đơn vị tính: Nghìn tấn

Chỉ tiêu	2007-2009	2010-2012*	2015**	2020**	2025**
Tổng sản lượng dầu thực vật tinh luyện	572	750	1.138	1.587	1.929

Nguồn: * Dự báo của các nhà sản xuất trong nước; ** Bộ Công Thương

Biểu đồ 2: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam 2005 - 2025



Về sản lượng tiêu thụ, năm 2010, mức tiêu thụ dầu thực vật bình quân đầu người ở nước ta mới đạt khoảng 7,3 – 8,3 kg/người nhưng vẫn còn ở khá xa so với khuyến nghị của WHO (13,5 kg/người/năm). IPIS dự báo đến năm 2015 dự kiến mức tiêu thụ dầu thực vật ở nước ta là 16,2 – 17,4 kg/người/năm, đến năm 2020 sẽ tăng lên 16,2 – 17,4 kg/người/năm và đến năm 2020 dự kiến sẽ là 18,6 – 19,9 kg/người/năm. Ngoài ra, theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), trong vòng 15 năm tới nhu cầu về dầu thực vật của nước ta sẽ tăng mạnh do nền kinh tế tăng trưởng nhanh và chiến dịch marketing rầm rộ về việc thay thế mỡ động vật bằng dầu thực vật để bảo vệ sức khỏe của các nhà sản xuất. Do vậy, tiềm năng phát triển ngành dầu thực vật ở thị trường nội địa trong thời gian tới còn khá lớn.

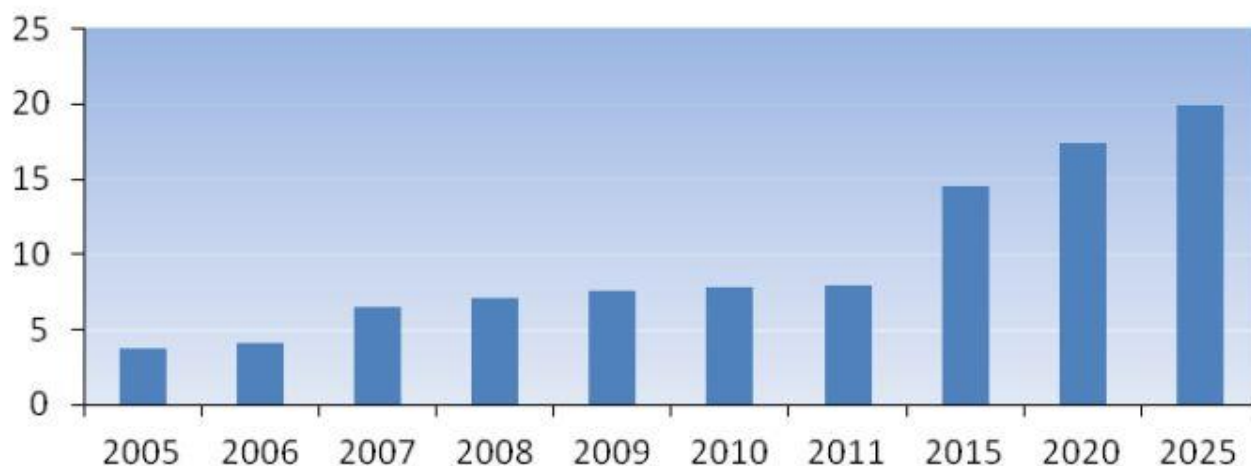
Bảng 19: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam

Đvt: Nghìn tấn

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010*	2011*	2015*
Tổng tiêu thụ dầu thực vật trong nước (Nghìn tấn)	312	346	557	607	660	690	725	1200
Tiêu thụ dầu thực vật trên đầu người (Kg/người/năm)	3,75	4,12	6,54	7,04	7,60	7,80	7,90	14,50

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê; Bộ Công Thương; IPSI; * Dự báo của các nhà sản xuất trong nước)

Biểu đồ 3: Sản lượng dầu thực vật tinh luyện tại Việt Nam 2005 - 2025



4.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Thực hiện “Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Dầu thực vật Việt Nam đến năm 2010” theo Quyết định số 17/2004/QĐ-BCN ngày 08/03/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Xét trong giai đoạn 2006 – 2010, toàn tổ hợp VOCARIMEX đã thực hiện như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 của riêng tổ hợp tăng vượt mức so với quy hoạch ngành từ 1,8 – 10,3%.
- Sản lượng dầu tinh luyện sản xuất và tiêu thụ thực hiện đến năm 2010 so với quy hoạch đạt 95,6%.
- Công tác đầu tư xây dựng các nhà máy mới với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất dầu tinh luyện và năng lực cạnh tranh của sản phẩm phù hợp với quy hoạch ngành.
- Thu hút được nguồn lực của mọi thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển ngành.
- Về định hướng phát triển vùng nguyên liệu, VOCARIMEX đã xây dựng chương trình phát triển cây mè V6 có năng suất, hàm lượng dầu cao.

Ngày 28/06/2010, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định “Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Dầu thực vật Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025” và Quyết định 3464/QĐ-BCT ngày 20/06/2012 về việc phê duyệt kế hoạch 5 năm 2011-2015 của Tổng công ty với nội dung như sau:

❖ Định hướng phát triển:

- Phát triển ngành công nghiệp sản xuất dầu thực vật trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương, phát huy năng lực chế biến sẵn có và sử dụng có hiệu quả

nguyên liệu trong nước và nhập khẩu; chú trọng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Phát triển ngành trên cơ sở áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, không ngừng đổi mới và cải tiến công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới với chất lượng cao và đa dạng để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm dầu trong nước mạnh để cạnh tranh hiệu quả trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đẩy mạnh phát triển nguyên liệu trong nước nhằm từng bước thay thế nhập khẩu, giảm nhập siêu, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

❖ Mục tiêu tổng quát:

Từng bước xây dựng và phát triển ngành dầu thực vật đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng; tăng tỷ trọng nguyên liệu trong nước để sản xuất dầu ăn (dầu tinh luyện và dầu thô) và cung cấp sản phẩm cho ngành chế biến khác.

❖ Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2011 – 2016 giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng bình quân từ 17,37%/năm. Đến năm 2016, sản xuất 1,138 triệu tấn dầu tinh luyện, 268.000 tấn dầu thô, xuất khẩu 50.000 tấn dầu các loại.
- Giai đoạn 2017 – 2020 giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng bình quân từ 7,11%/năm. Đến năm 2020, sản xuất 1,587 triệu tấn dầu tinh luyện, 370.000 tấn dầu thô, xuất khẩu đạt 80.000 tấn dầu các loại.
- Giai đoạn 2021 – 2025 giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng bình quân từ 3,69%/năm. Đến năm 2025, sản xuất và tiêu thụ 1,929 triệu tấn dầu tinh luyện, 439.000 tấn dầu thô, xuất khẩu đạt 100.000 tấn dầu các loại.

Để tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong xu thế hội nhập, VOCARIMEX đã và đang triển khai thực hiện “Quy hoạch phát triển ngành Dầu thực vật Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025” từ khâu quy hoạch vùng nguyên liệu trồng các cây có dầu như cây mè, đậu phộng, đậu nành, cây dừa... Với những kết quả đạt được hiện nay, VOCARIMEX đã từng bước khẳng định là một doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất dầu thực vật đáp ứng cho nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường trong và ngoài nước. Điều này cho thấy định hướng phát triển của Tổng công ty là phù hợp với sự phát triển tất yếu của ngành và của xã hội.

PHẦN III - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**
- Tên tiếng Anh: Vietnam Vegetable Oils Industry Corporation
- Tên viết tắt: **VOCARIMEX**
- Trụ sở: 58 Nguyễn Bình Khiêm, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38294513
- Fax: (84-8) 38290586
- Website: www.vocarimex.com.vn
- Logo:



2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, VOCARIMEX sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa gạo, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Sản xuất kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông

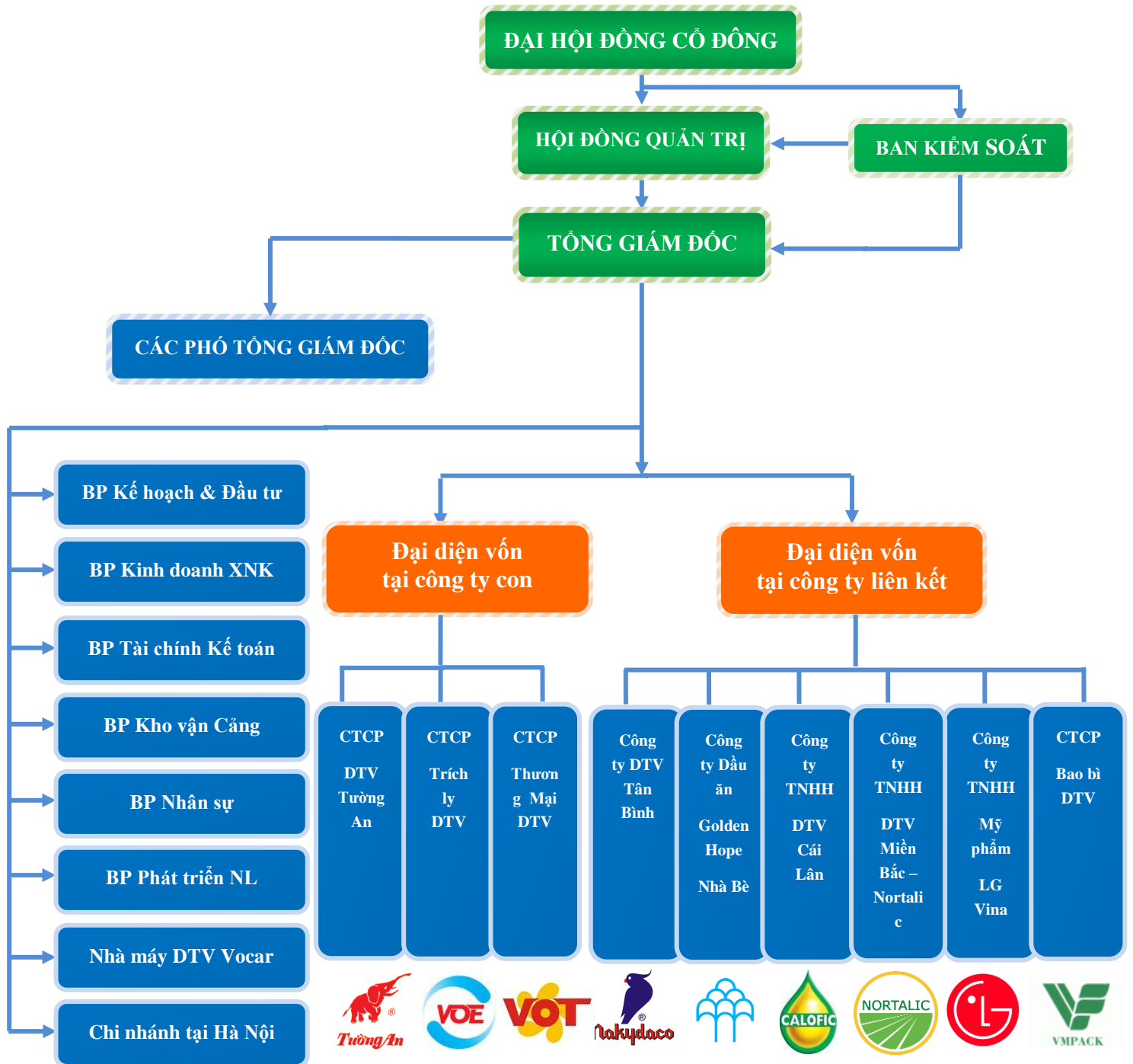
lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.

- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất khẩu dầu thực vật và các loại hàng hóa khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.
- Các ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu tổ chức

(Xem trang sau)

Sơ đồ 5: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP



+ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

+ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó.

+ Ban Tổng giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc)

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng giám đốc.

+ Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

+ Các Bộ phận chức năng

- Bộ phận Kế hoạch & Đầu tư
- Bộ phận Kinh doanh Xuất nhập khẩu
- Bộ phận Tài chính Kế toán
- Bộ phận Kho vận cảng
- Bộ phận Nhân sự
- Bộ phận Phát triển Nguyên liệu
- Nhà máy Dầu thực vật Vocarimex

+ Các chi nhánh của Công ty cổ phần

Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội

5. Các công ty con và công ty liên kết

Danh sách các công ty con của VOCARIMEX sau cổ phần hóa như sau:

Bảng 20: Danh sách các công ty con sau cổ phần hóa (tại 01/01/2014)

Stt	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)
1	CTCP Dầu thực vật Tường An	189.802.000.000	51,00	9.679.900
2	CTCP Trích ly Dầu thực vật	71.600.000.000	99,72	7.139.952
3	CTCP Thương mại Dầu thực vật	15.500.000.000	98,71	1.530.005

Nguồn: VOCARIMEX

Danh sách các công ty liên kết của VOCARIMEX sau cổ phần hóa như sau:

Bảng 21: Danh sách các công ty liên kết sau cổ phần hóa (tại 01/01/2014)

Stt	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Giá trị vốn góp (đồng)
1	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân (*)	694.975.702.903	32,00	351.522.050.220
2	Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	69.267.776.198	49,00	47.192.438.524
3	Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	131.250.000.000	40,00	50.515.108.000
4	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	80.000.000.000	44,16	24.724.000.000
5	Công ty ty TNHH Dầu thực vật Miền Bắc (Nortalic)	504.000.000.000	30,00	151.200.000.000
6	CTCP Dầu thực vật Tân Bình	43.100.000.000	27,13	29.960.255.000

Nguồn: VOCARIMEX

(*) Theo Quyết định số 9795/QĐ-BCT ngày 20/12/2013 của Bộ Công thương về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân, trong quý 1-2014: Vocarimex sẽ chuyển nhượng 8% vốn của Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân; Lợi ích và quyền biểu quyết hiện tại là 24%.

II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cho ngành dầu thực vật Việt Nam, phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển ngành dầu thực vật Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025 đã được Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 3388/QĐ-BCT ngày 20/06/2010 và Quyết định số 3464/QĐ-BCT ngày 20/06/2012 về việc phê duyệt kế hoạch 05 năm 2011 – 2015 của Tổng công ty.

1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

❖ Đối với Tổng công ty:

- Tổng doanh thu đến năm 2016 đạt 5.625 tỷ đồng.
- Sản lượng dầu thực vật tiêu thụ đến năm 2016 dự kiến đạt 265.000 tấn, trong đó sản lượng dầu thực vật kinh doanh là 140.000 tấn.
- Cung cấp nguồn nguyên liệu và vật tư ổn định, giá cả hợp lý cho các công ty sản xuất dầu thực vật trong nước.
- Đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị, nhà xưởng và thiết bị phụ trợ cho Nhà máy dầu thực vật Vocar, Cảng dầu thực vật Nhà Bè để khai thác tối đa công suất thiết kế.
- Khai thác nguồn tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: có biện pháp cơ cấu lại tài sản, khai thác có hiệu quả quỹ đất đang quản lý tại công ty mẹ để tạo nguồn vốn bổ sung cho đầu tư, kinh doanh. Hàng năm, từ kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính tạo nguồn vốn bổ sung vốn chủ sở hữu.
- Tiếp tục điều chỉnh phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các công ty con và công ty liên kết.
- Liên doanh, liên kết với các đối tác lớn trong ngành Dầu thực vật để hợp tác đầu tư xây dựng các nhà máy tinh luyện dầu thực vật tại khu vực miền Bắc và miền Trung.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.

❖ Đối với toàn tổ hợp:

Định hướng các công ty con, công ty liên kết thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của toàn tổ hợp như sau:

- Tổng doanh thu đến năm 2016 đạt 27.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 5 năm 2012 – 2016 là 3,4%/năm.
- Sản lượng dầu thực vật tiêu thụ đến năm 2016 dự kiến đạt 920.000 tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2012 – 2016 là 7,2%/năm.

- Giá trị xuất khẩu năm 2016 dự kiến đạt 54 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2012 – 2016 là 1,3%/năm.

2. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

2.1. Phân tích môi trường kinh doanh

❖ Môi trường kinh doanh:

- Tình hình chính trị đất nước ổn định, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư và tiếp thu công nghệ.
- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đang dần được hoàn thiện và dần phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, những thay đổi trong hệ thống chính sách pháp luật vẫn chưa theo kịp hoặc lờnng hết những biến động của thị trường, gây khó khăn trong việc đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Về dài hạn, Việt Nam vẫn đang trên đà phát triển nhưng ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu là không nhỏ, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong một vài năm tới.
- Việt Nam đang chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thêm nhiều thuận lợi cho việc đổi mới phát triển kinh tế – xã hội với nhịp độ nhanh hơn. Việc gia nhập WTO sẽ đem lại cho các doanh nghiệp nói chung và ngành sản xuất dầu thực vật nói riêng không ít những cơ hội cũng như thách thức.

❖ Môi trường xã hội:

- Nền kinh tế phát triển khiến thu nhập của đại bộ phận người dân tăng lên, theo đó đời sống của các tầng lớp dân cư được cải thiện làm cho nhu cầu tiêu dung chung của toàn xã hội tăng lên.
- Người tiêu dùng ngày càng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Môi trường văn hóa xã hội có tiến bộ về nhiều mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt.

❖ Môi trường công nghệ:

- Mức độ chuyên môn hóa không cao, khả năng thay đổi hoặc chế tạo sản phẩm mới hạn chế.
- Quy mô sản xuất của ngành vẫn ở mức trung bình, chưa tận dụng được tính kinh tế của quy mô sản xuất lớn.

2.2. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh:

- Là đơn vị tiên phong có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu thực vật tại Việt Nam, với

hơn 35 năm xây dựng và phát triển đã tạo một nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh chóng và vững chắc trong tương lai.

- Năng lực sản xuất của toàn tổ hợp chiếm trên 81% tổng công xuất dầu tinh luyện toàn ngành, đáp ứng trên 85% thị phần dầu thực vật trong nước.
- Các đơn vị sản xuất dầu ăn nổi tiếng tại Việt Nam là những đơn vị thành viên trong toàn tổ hợp công ty mẹ – công ty con – công ty liên kết của VOCARIMEX.
- Có hệ thống cảng để chủ động nhập dầu nguyên liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.
- Sở hữu công nghệ và hệ thống máy móc thiết bị sản xuất đồng bộ, hiện đại hàng đầu thế giới.
- Thiết lập mạng lưới phân phối và bán hàng rộng khắp cả nước.
- Đội ngũ lãnh đạo, CBCNV có kinh nghiệm và năng lực trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

❖ **Điểm yếu:**

- Nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất chủ yếu là nhập khẩu (trên 90%), khi giá cả nguyên liệu tăng cao sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, việc đầu tư cho vùng nguyên liệu ở trong nước còn hạn chế nên việc tìm nguồn nguyên liệu trong nước để thay thế nguyên liệu nhập khẩu còn khó khăn và bất cập.
- Do sử dụng ngoại tệ trong giao dịch thanh toán quốc tế khá lớn, chủ yếu là vốn lưu động dùng để thanh toán nhập khẩu nguyên liệu, tuy nhiên công tác dự báo biến động của tỷ giá còn chưa kịp thời nên khi xảy ra biến động đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Khả năng dự báo chính xác biến động giá nguyên liệu đầu vào còn hạn chế, chưa thiết lập cơ chế quản trị rủi ro để phòng ngừa biến động giá nguyên liệu.

❖ **Cơ hội:**

- Kinh tế trong nước từng bước phục hồi đã góp phần cho việc sản xuất kinh doanh ngành dầu thực vật được thuận lợi trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.
- Tiềm năng phát triển ngành dầu thực vật ở thị trường nội địa còn khá lớn do xu hướng trong tương lai khi chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao, nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật, thay thế mỡ động vật của người tiêu dùng ở thành thị và nông thôn theo dự báo còn tăng cao.
- Khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, việc huy động vốn cho các nhu cầu sản xuất, kinh doanh sẽ trở nên dễ dàng hơn thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu với chi phí huy động vốn hợp lý. Khi cổ phiếu được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán sẽ làm quảng bá hình ảnh, làm tăng uy tín và giá trị của Tổng công ty.

❖ **Thách thức:**

- Giá nguyên liệu, hàng hóa thế giới chưa ổn định, vẫn biến động tăng giảm bất thường với biên độ lớn; chính sách về lãi suất, tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian tới.
- Sau khi thực hiện “Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Dầu thực vật Việt Nam đến năm 2010”, đến nay ngành dầu thực vật vẫn chưa tìm được cây có dầu chủ lực để phát triển với quy mô lớn, có hiệu quả kinh tế cao, có thể cạnh tranh được với các cây trồng khác.
- Do tiềm năng phát triển của ngành, dẫn đến sự cạnh tranh trong ngành dầu thực vật ngày càng quyết liệt giữa các công ty đã có từ lâu đời bên cạnh sự xuất hiện thêm các công ty tư nhân, sơ sở sản xuất và các công ty thương mại nhập khẩu đóng bao bì để bán, bên cạnh đó là tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các sản phẩm nhập khẩu và sản xuất nội địa.
- Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là dầu cọ từ Malaysia và Indonesia, nhưng do chênh lệch về thuế giữa dầu thô và dầu tinh luyện không cao (theo cam kết của AFTA) nên đa phần doanh nghiệp thường nhập dầu tinh luyện về sản xuất thành phẩm và cung ứng ra thị trường. Chính điều này sẽ không khuyến khích được các nhà đầu tư phát triển các nhà máy trích ly dầu thô.
- Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại.
- Khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng công ty phải áp dụng nguyên tắc quản trị mới, phải công khai, minh bạch và tuân thủ chế độ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về các hoạt động có liên quan đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tổ chức công tác quan hệ cổ đông, từ đó cổ đông sẽ có điều kiện giám sát việc quản trị và điều hành Tổng công ty; bên cạnh đó, Tổng công ty phải có chiến lược phát triển rõ ràng để mang lại hiệu quả thực sự cho Công ty và đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông.

2.3. Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 22: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Kế hoạch đầu tư XDCB:			
2	Vốn điều lệ	1.218.000	1.218.000	1.218.000
3	Tổng lao động (người)	311	314	314
4	Tổng quỹ lương (tỷ đồng)	41,8	45,5	45,5

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
5	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,2	12,07	12,07
6	Tổng doanh thu	4.887.699	5.256.980	5.624.969
7	Tổng chi phí	4.868.814	5.235.739	5.601.210
8	Lợi nhuận trước thuế	51.000	63.000	78.000
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.750	15.750	19.500
10	Lợi nhuận sau thuế	38.250	47.250	58.500
11	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	2,67	3,30	4,08

Nguồn: Phương án CPH VOCARIMEX, theo Quyết định số 3464/QĐ-BCT của Bộ Công thương;

Theo quyết định 5987/QĐ—BCT của Bộ Công thương về thuế xuất nhập khẩu áp dụng cho dầu tinh là 5% từ 07/05/2013 – 06/05/2014; 4% từ 07/05/2014 – 06/05/2015; 3% từ 07/05/2015 -06/05/2016 và 2% từ 07/05/2016 – 06/05/2017.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Nhu cầu vốn của VOCARIMEX bao gồm nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn 2014 – 2016, cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

3.2. Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ : **1.218.000.000.000** đồng (Một ngàn hai trăm mười tám tỷ đồng)
- Số lượng cổ phần : 121.800.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông, ưu đãi
- Mệnh giá : 10.000 đồng

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của VOCARIMEX cho giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2014 – 2016) như sau:

Bảng 23: Quy mô vốn điều lệ giai đoạn 2014 – 2016

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Vốn điều lệ (triệu đồng)	1.218.000	1.218.000	1.218.000

Nguồn: Phương án CPH VOCARIMEX

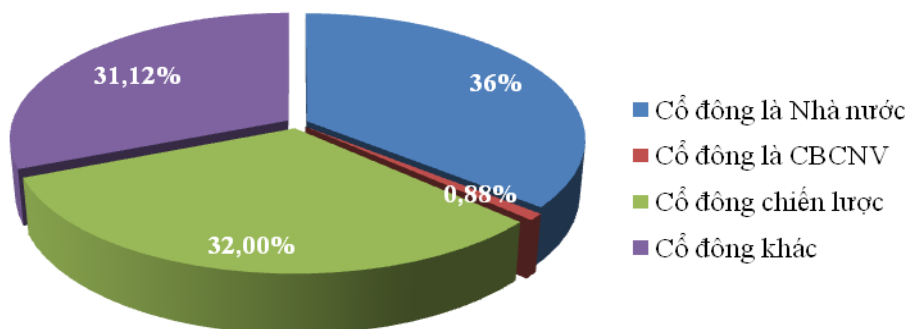
3.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 100%

Trong đó :

- Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ : 36%
- Giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 0,88%
- Giá trị cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp: 0%
- Giá trị cổ phần bán cho các nhà đầu tư chiến lược: 32%, trong đó:
 - Công ty cổ phần Kinh Đô: 24%;
 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: 8%
- Giá trị cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 31,12%

Biểu đồ 4: Cơ cấu vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần bán ra bên ngoài



III. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản cho quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là gián tiếp dự đoán giá cả của chứng khoán công ty. Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của VOCARIMEX nói riêng.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2013 kết thúc với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,42%, cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012. Mặc dù tốc độ phục hồi còn chậm, chưa thực sự bứt phá nhưng cũng đã có những dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012. Tương tự các năm gần đây, đóng góp chính cho mức tăng của GDP vẫn đến từ khu vực dịch vụ (+6,56% đóng góp 2,85 điểm phần trăm) trong khi khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,43% thấp hơn mức 5,75% của năm 2012, còn lại là nông nghiệp. Chỉ số PMI ngành sản xuất sau khi đạt 51,8 điểm trong tháng 12 năm 2013 đã tiếp tục tăng lên 52,1 điểm trong tháng 01 năm 2014 (*theo nguồn HSBC*), đây là tháng thứ 5 liên tiếp chỉ số này trên ngưỡng 50 điểm với sự tăng trưởng tích cực từ phía sản lượng đầu ra, việc làm và số lượng đơn đặt hàng mới. Điều này cho thấy lĩnh vực sản xuất vẫn đang duy trì xu hướng mở rộng tích cực. Trong khi đó, chỉ số tồn kho tính đến đầu tháng 12 năm 2013 tăng 10,2% so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ bằng một nửa so với mức 20,1% cùng thời điểm 2012. Sự phục hồi tốt hơn của cầu đầu tư cũng được củng cố khi tăng trưởng tín dụng năm 2013 đã ghi nhận sự gia tốc mạnh trong những tháng cuối năm và đạt mức 12,51%, không chỉ vượt mục tiêu 12% của NHNN mà còn cao hơn đáng kể so với mức tăng 8,91% của năm 2012. Các tín hiệu khả quan trên cho thấy nền kinh tế trong nước đang dần phục hồi và có dấu hiệu thoát đáy.

Bên cạnh đó, với nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn, nền kinh tế thế giới đã và đang có nhiều dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn đặc biệt là sự khởi sắc của các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu, tuy tăng trưởng chậm nhưng bền vững hơn. Kinh tế thế giới năm 2014 được dự báo sẽ tăng trưởng 3,5%, tốt hơn năm 2013 (2,9%). Có nhiều lập luận cho sự tăng trưởng này, đó là: (i) sự tăng trưởng nhanh hơn của các nền kinh tế phát triển; (ii) sự ổn định của các nước mới nổi và (iii) tiếp tục các chính sách kích thích kinh tế của ngân hàng trung ương các nước. Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn còn phải đối mặt với những thách thức khi các nước mới nổi và đang phát triển vẫn chưa thoát khỏi tình trạng tụt hậu nhất, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, khu vực châu Âu, đặc biệt là khu vực Eurozone đang phải đối mặt với tình trạng đình trệ tương tự như Nhật Bản trong những năm 1980-1998 khi rơi vào tình trạng tăng trưởng chậm và giảm phát.

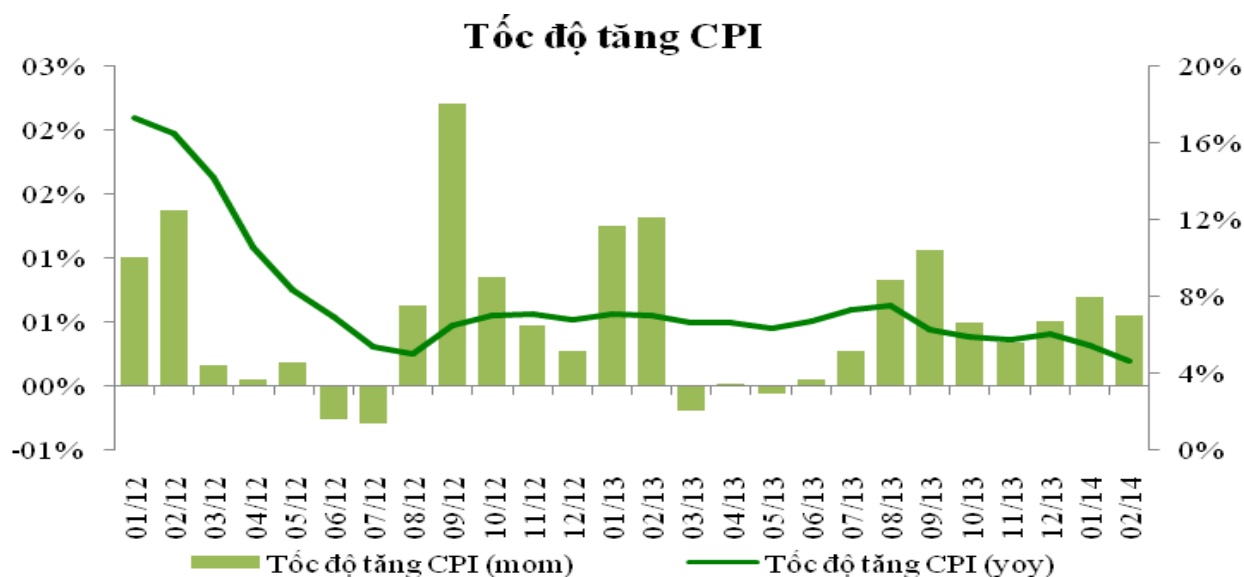
Nhìn chung, triển vọng tích cực của kinh tế thế giới cũng như trong nước trong năm 2014 dự kiến sẽ mang lại những thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Tổng công ty nói riêng. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng góp phần mở ra cho Tổng công ty cơ hội đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới được thuận lợi hơn.

1.2. Lạm phát

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 2/2014 tăng nhẹ 0,55% so với tháng liền kề, 4,65% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Đóng góp chính cho mức tăng của tháng 2 đến từ các nhóm như Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,15%), Giao thông (+0,66%), Văn hóa giải trí du lịch (+0,61%) và Đồ uống, thuốc lá (+0,6%). Trong khi đó, các mặt hàng khác như may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình chỉ tăng khá nhẹ khoảng 0,22% trở xuống.

Tại thời điểm tháng 2 là tháng Tết, vốn thường ghi nhận việc đẩy mạnh của mặt bằng giá cả, thì mức tăng thấp như kể trên tiếp tục cho thấy sự phục hồi của cầu tiêu dùng là khá yếu. Trong thời gian tới, khả năng lạm phát có biến động mạnh là khó xảy ra, đặc biệt là trong bối cảnh sự phục hồi của sức mua – tổng cầu còn yếu. Ngoài ra, điểm đáng chú ý, trong phiên họp tháng 2 vừa qua, Chính phủ cũng đã hạ mục tiêu lạm phát trong năm 2014 xuống khoảng 6%, từ mức 7%. Nếu diễn biến tăng giá của các mặt hàng thiết yếu vẫn diễn ra theo lộ trình và không quá khác biệt so với năm 2013 thì mức 6% kể trên là khả thi dựa trên các cơ sở (1) cung tiền M2 tiếp tục được điều tiết tốt, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12%-14% gần tương tự năm 2013 và (2) tổng cầu dù được kỳ vọng sẽ cải thiện dần nhưng sẽ khó có đột phá. Tỷ lệ lạm phát trong năm 2014 được dự báo vào khoảng 5,5%-6%.

Biểu đồ 5: Tốc độ tăng CPI



Nguồn: CEIC, VCBS tổng hợp

Tuy lạm phát giảm, nhưng nhìn chung mặt bằng giá cả còn cao, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống. Việc tăng giá của các mặt hàng thiết yếu như: điện, xăng dầu, nguyên liệu sản xuất... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của VOCARIMEX, khiến giá

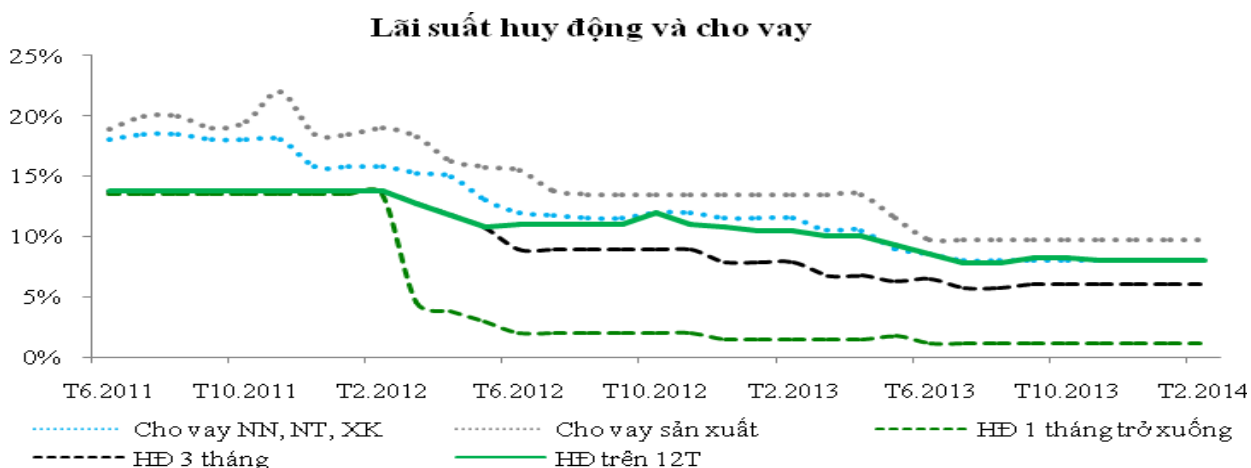
thành các sản phẩm đầu ra bị tăng cao, do đó giảm sức cạnh tranh của Tổng công ty với các doanh nghiệp cùng ngành của các nước khác.

1.3. Lãi suất

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục duy trì sự ổn định. Đáng chú ý, cùng với xu hướng giảm của lạm phát, kết hợp với thanh khoản của hệ thống ngân hàng rất tốt nhưng đầu ra chưa thể đẩy mạnh (tăng trưởng tín dụng -1,66% đến cuối tháng 2), nhiều ngân hàng vừa và nhỏ đã điều chỉnh giảm nhẹ lãi suất huy động ở một số kỳ hạn. Đồng thời, lãi suất cho vay ưu tiên đối với một số đối tượng khách hàng có hồ sơ tài chính và tình hình hoạt động lành mạnh với triển vọng tốt.

Mặc dù đã có những điều chỉnh giảm nhẹ nhưng nhìn chung mặt bằng lãi suất bình quân không có nhiều thay đổi so với thời điểm cuối năm 2013. Cụ thể, tại các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng, lãi suất huy động của các NHTM duy trì mức trần 7%, trong khi đó tại các kỳ hạn trên 6 tháng phổ biến từ 6,5%-8,5%/năm. Lãi suất cho vay cũng tiếp tục duy trì ở các mức 7%-10,5%/năm cho các kỳ hạn ngắn và 11%-13%/năm cho các kỳ hạn dài. Điều này là do (1) lãi suất huy động ở các ngân hàng lớn hầu như không thay đổi sau khi đã được điều chỉnh giảm trong năm 2013 với mức thấp hơn khá nhiều so với một số ngân hàng vừa và nhỏ, (2) với lãi suất cho vay, do chỉ tập trung ở một số đối tượng khách hàng đặc thù và tiềm năng do đó động thái giảm lãi suất kể trên không tạo ra hiệu ứng lan tỏa rộng cũng như chuyển biến tức thì trong việc đẩy mạnh tín dụng ra nền kinh tế.

Biểu đồ 6: Lãi suất huy động và cho vay



Nguồn: CEIC, VCBS tổng hợp

Việc lãi suất huy động có xu hướng giảm nhẹ sẽ là điều kiện thuận lợi để mặt bằng lãi suất cho vay giảm theo sau đó. Đây sẽ là cơ hội tốt đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung và Tổng công ty nói riêng. Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, VOCARIMEX có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng

Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Thị trường ngoại hối và tỷ giá khá ổn định trong hai tháng đầu năm. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng vẫn không thay đổi ở mức 21.036 VND/USD kể từ cuối tháng 6 năm ngoái. Tỷ giá bán của nhiều NHTM trong suốt thời gian qua dao động trong biên độ khá hẹp và chỉ cao hơn khoảng 0,35%-0,45% so với tỷ giá liên ngân hàng, phổ biến từ khoảng 21.110-21.130 VND/USD.

Mặc dù hiện tại thị trường ngoại hối và tỷ giá khá ổn định, tuy nhiên sự điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cũng như bất kỳ sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VOCARIMEX. Trong tình hình nền kinh tế thế giới nhiều biến động như hiện nay thì rủi ro về tỷ giá là điều phải tính đến. Do đó, VOCARIMEX cũng cần phải có biện pháp dự phòng nhằm hạn chế những ảnh hưởng của các biến động về tỷ giá đối với kế hoạch mua bao bì, nguyên nhiên liệu đầu vào của Tổng công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Vì vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại.

3. Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi, đặc biệt là trong tình hình nước ta đã gia nhập WTO thì sự cạnh tranh là rất gay gắt giữa các công ty cùng ngành trong và ngoài nước về sản phẩm kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ chế biến... ảnh hưởng đến việc kinh doanh chung của VOCARIMEX. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố mang tính thúc đẩy Tổng công ty tập trung cải tiến chất lượng sản phẩm, tăng cường tiếp thị để kích cầu, mở rộng thêm thị trường tiêu thụ nhất là thị trường xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm, mẫu mã bao bì... để tăng tính cạnh tranh của sản phẩm của Tổng công ty trên thị trường.

4. Rủi ro đặc thù

Việc đầu tư phát triển của VOCARIMEX nói riêng, cũng như đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp nói chung đều có thể bị ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách điều hành kinh tế vĩ mô. Như những thay đổi liên tục trong chính sách thuế nhập khẩu các mặt hàng dầu thực vật có thể làm ngưng trệ trong sản xuất, gây lãng phí trong việc đầu tư thiết bị, cơ sở sản xuất.

Ngoài ra, đến nay Việt Nam vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các sản phẩm dầu thực vật cũng có ảnh hưởng không tốt đến sự đầu tư và phát triển của cả tổ hợp. Vì không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty thương mại thuần túy trong và ngoài nước nhập khẩu các sản phẩm dầu thực vật với chất lượng kém, hoặc tự sản xuất các sản phẩm kém với giá thành rất rẻ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng cũng như đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy sản xuất dầu thực vật.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2013 đã ghi nhận một đợt tăng điểm tương đối mạnh, VNIndex tăng từ 504,5 điểm lên 607,6 điểm, đến đầu tháng 4 áp lực điều chỉnh mới xuất hiện. Nguyên nhân chính bắt nguồn từ việc nền kinh tế vĩ mô trong nước tuy chưa hoàn toàn thoát hẳn khó khăn nhưng đã dần trở nên ổn định, lạm phát có dấu hiệu đã được kiểm soát, mặt bằng lãi suất liên tục được điều chỉnh theo hướng giảm... là những yếu tố đã nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư quay trở lại thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi bức tranh kinh tế vĩ mô vẫn còn cần cải thiện thêm. Bên cạnh đó, sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán trong lịch sử đã có những tác động nhất định đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của VOCARIMEX sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Tổng công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VOCARIMEX.

PHẦN IV - THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

- Đối tượng mua cổ phần bao gồm: nhà đầu tư chiến lược, người lao động Tổng công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được phân phối theo danh sách được duyệt.
- Cổ phần bán cho người lao động được phân phối theo danh sách được duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

2. Phương thức chào bán

2.1. Cổ phần bán cho người lao động

a. Giá chào bán

- Giá bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán bằng 60% giá bán thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược (*Căn cứ theo Công văn số 4100/BTC-TC ngày 15/05/2014 của Bộ Công thương hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu*).
- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 48 theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP là giá bán bằng giá bán thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

b. Số lượng cổ phần chào bán cho người lao động

Tổng số cổ phần bán cho người lao động: **1.074.500 cổ phần** (tương đương 0,88% vốn điều lệ). Trong đó:

- Tổng số cổ phần người lao động được mua theo thâm niên (giá ưu đãi bằng 60% giá bán thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược) là 268.900 cổ phần.
- Tổng số cổ phần người lao động được mua thêm theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là 805.600 cổ phần.

Ghi chú: Căn cứ theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó,

cơ cấu vốn cổ phần sẽ điều chỉnh tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Bảng 24: Số lượng cổ phần chào bán cho người lao động

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm có quyết định giá trị doanh nghiệp (23/12/2013)	268 người
2	Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi	250 người
2.1	Tổng số lao động được mua thêm cổ phần theo giá ưu đãi do có cam kết làm việc lâu dài	119 người
2.2	Tổng số lao động được mua thêm cổ phần theo giá ưu đãi do: là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và có cam kết làm việc lâu dài	131 người
3	Tổng số năm công tác trong khu vực Nhà nước	2.689 năm
4	Tổng số cổ phần được mua theo thâm niên (giá ưu đãi ~60%)	268.900 cổ phần
5	Tổng số cổ phần được mua ưu đãi theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.	805.600 cổ phần
5.1	Số cổ phần được mua ưu đãi theo số năm cam kết	223.600 cổ phần
5.2	Số cổ phần được mua ưu đãi theo tiêu chí 2.1	185.000 cổ phần
5.3	Số cổ phần được mua ưu đãi theo tiêu chí 2.2	390.000 cổ phần
	Tổng số cổ phần bán cho người lao động [(4)+(5)]	1.074.500 cổ phần
	Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trên vốn điều lệ	0,88%

Nguồn: Phương án CPH VOCARIMEX

c. Phương thức chào bán: chào bán trực tiếp cho người lao động.

d. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Phương thức thanh toán:

Người lao động đăng ký mua tại VOCARIMEX và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của VOCARIMEX.

Thời điểm đăng ký mua: Trong tháng 06/2014

Thông tin tài khoản phong tỏa như sau:

Tên tài khoản: TCTCN DAU THUC VAT VN-CTTNHHMTV

Số: 0071000883123

Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký mua

2.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Phương thức chào bán:

Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi đấu giá công khai: thương thảo trực tiếp với từng nhà đầu tư đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá khởi điểm.

- Quy mô chào bán:

- Tổng số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược là 38.976.000 cổ phần, tương đương 32% vốn điều lệ của VOCARIMEX.
- Số lượng nhà đầu tư chiến lược được chọn là 02 nhà đầu tư.
 - ✚ Công ty CP Kinh Đô (KDC).
 - ✚ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS).
- Tỷ lệ cổ phần bán:
 - ✚ Công ty CP Kinh Đô (KDC) được tham gia mua 24% vốn điều lệ.
 - ✚ Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS) được tham gia mua 8% vốn điều lệ.

Vocarimex đã ký kết hợp đồng mua bán cổ phần với 2 Nhà đầu tư chiến lược trên.

Ghi chú: Căn cứ theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó, cơ cấu vốn cổ phần sẽ điều chỉnh tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2.3. Cổ phần bán đấu giá công khai

a. Quy mô bán đấu giá và nhà đầu tư mục tiêu

Số lượng cổ phần VOCARIMEX chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là 37.901.500 cổ phần, tương đương với 31,12% vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa.

b. Phương thức chào bán

Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE). Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ tại quy chế bán đấu giá và các yêu cầu do tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành.

c. Xác định giá khởi điểm

Được xác định trên cơ sở:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp VOCARIMEX do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam lập.
- Xem xét báo cáo xác định giá khởi điểm của đơn vị tư vấn VCBS.
- Công văn số 4100/BCT-TC ngày 15/05/2014 của Bộ Công thương hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu.
- Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới cũng như các yếu tố ảnh hưởng khác tại thời điểm trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần công khai.
- Quyết định số 5318/QĐ-BCT ngày 12 tháng 06 năm 2014 của Bộ Công Thương, về việc phê duyệt kết quả thoả thuận bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.

Giá khởi điểm là 11.300 đồng/cổ phần.

3. Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

Ghi chú: Căn cứ theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó, cơ cấu vốn cổ phần sẽ điều chỉnh tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Căn cứ Quyết định số 3965/QĐ-BCT ngày 08/08/2011 và Công văn số 10518/BCT-TC ngày 18/11/2013 của Bộ Công thương về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa cho Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, tổng dự toán chi phí cổ phần hóa cho Tổng công ty như sau:

Bảng 25: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa

Stt	Nội dung công việc	Số tiền (đồng)
I	Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp	1.132.000.000
1	Chi phí tập huấn cổ phần hóa	30.000.000
2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản	74.800.000
3	Chi phí đi lại kiểm tra của công tác cổ phần hóa	516.000.000
4	Chi phí đại hội CBCNV triển khai công tác cổ phần hóa	58.000.000
5	Chi phí tổ chức bán cổ phần	200.000.000
6	Chi phí đại hội đồng cổ đông lần đầu	130.000.000
7	Chi phí quyết toán công tác cổ phần hóa	123.200.000
II	Các khoản chi phí thuê tư vấn	1.150.000.000
1	Kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần	200.000.000
2	Chi phí xác định giá trị doanh nghiệp	600.000.000
3	Chi phí thẩm định giá trị quyền sử dụng đất	50.000.000
4	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng dự thảo điều lệ, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược	300.000.000
III	Chi phụ cấp Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc	450.000.000

Stt	Nội dung công việc	Số tiền (đồng)
1	Phụ cấp Ban chỉ đạo	144.000.000
2	Phụ cấp Tổ giúp việc	306.000.000
	Tổng cộng	2.732.000.000

Nguồn: Phương án CPH VOCARIMEX

2. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa

Do hình thức cổ phần hóa là bán bớt phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phần thặng dư vốn được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa. Số tiền còn lại sẽ được nộp về quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Bảng 26: Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	1.218.064.570.853
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu khi chuyển sang công ty cổ phần	1.218.000.000.000
3	Giá trị cổ phần Nhà nước (36%)	438.480.000.000
4	Dự kiến số tiền thu từ phát hành thêm	787.315.200.000
4.1	Bán ưu đãi cho CBCNV (0,88%)	10.852.450.000
4.2	Bán cho nhà đầu tư chiến lược (32%)	393.657.600.000
4.3	Bán đấu giá (31,12%)	382.805.150.000
5	Tổng chi phí	4.005.198.413
5.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	2.732.000.000
5.2	Giá trị ưu đãi cho người lao động (tính trên 268.900 cp)	1.086.356.000
5.3	Trợ cấp lao động dôi dư theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	186.842.413
6	Tiền nộp về quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: (1) - (3) - (5)	775.579.372.440

Ghi chú:

- Các số liệu tính toán dựa trên giả định: các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần chào mua; giá đấu thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm; giá bán cho nhà đầu tư chiến lược bằng giá khởi điểm.
- Căn cứ theo Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển

sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó, cơ cấu vốn cổ phần sẽ điều chỉnh tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

III. MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN LƯU Ý

Căn cứ theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được thực hiện bổ sung thêm giá trị lợi thế kinh doanh tương ứng là 8.460.900.000 đồng. Theo đó, cơ cấu vốn cổ phần sẽ thay đổi tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

IV. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được kiểm toán do Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam cung cấp và được Bộ Công thương thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần Tổng công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2014

TUQ. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO



PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Khiếu Hữu Bộ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
CHỦ TỊCH, TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Ngọc Khải